

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRẦN QUANG KHẢI**

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – 2021

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRẦN QUANG KHẢI

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

Số TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Đặng Thị Thuý Ái	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Nguyễn Thị Thanh Hoàng	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
3	Phan Khôi Long	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
4	Dương Đình Dẫn	Thư ký hội đồng trường	Thư ký hội đồng	
5	Hồ Thị Hồng Hạnh	Phó Bí thư chi bộ	Ủy viên hội đồng	
6	Nguyễn Hữu Tú	Chủ tịch công đoàn	Ủy viên hội đồng	
7	Nguyễn Châu Thanh Phuong	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên hội đồng	
8	Triệu Thị Vẽ	Tổ phó tổ chuyên môn	Ủy viên hội đồng	
9	Dương Thị Kim Hồng	Tổ trưởng văn phòng	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
MỤC LỤC	1
TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ	4
Phần I: CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
Phần II: TỰ ĐÁNH GIÁ	12
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	19
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	19
<i>Mở đầu:</i>	19
<i>Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường</i>	20
<i>Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác</i>	23
<i>Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường</i>	25
<i>Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng</i>	28
<i>Tiêu chí 1.5: Lớp học</i>	32
<i>Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản</i>	33
<i>Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên</i>	36
<i>Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục</i>	39
<i>Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở</i>	40
<i>Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học</i>	43

<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1:</i>	45
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	46
<i>Mở đầu</i>	46
<i>Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng</i>	47
<i>Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên</i>	49
<i>Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên</i>	52
<i>Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh</i>	53
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2:</i>	56
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	56
<i>Mở đầu</i>	56
<i>Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập</i>	57
<i>Tiêu chí 3.2: Phòng học</i>	59
<i>Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị</i>	62
<i>Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước</i>	63
<i>Tiêu chí 3.5: Thiết bị</i>	65
<i>Tiêu chí 3.6: Thư viện</i>	68
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	70
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	71
<i>Mở đầu</i>	71
<i>Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh</i>	71
<i>Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường</i>	74
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	77

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	78
<i>Mở đầu</i>	78
<i>Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông</i>	78
<i>Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện</i>	82
<i>Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định</i>	85
<i>Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp</i>	87
<i>Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh</i>	89
<i>Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục</i>	93
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	97
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	99
Phần IV: PHỤ LỤC - BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG	1

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả tự đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X		
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	
Tiêu chí 1.4		X	X	
Tiêu chí 1.5		X		
Tiêu chí 1.6		X		
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 3.4		X	X	X
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả: đạt Mức 1.

2. Kết luận: trường đạt Mức 1.

Phần I: CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: **TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRẦN QUANG KHẢI**

Tên trước đây: không có

Cơ quan chủ quản: **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tỉnh / thành phố:	Thành phố Hồ Chí Minh	Họ và tên Hiệu trưởng:	Đặng Thị Thuý Ái
Huyện / quận / thị xã / thành phố:	11	Điện thoại trường:	(028) - 39753998
Xã / phường / thị trấn:	05	Fax:	Không có
Đạt chuẩn quốc gia:	Không có	Website:	http://thpttranquangkhai.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường:	2007	Số điểm trường:	1
Công lập	X	Loại hình khác	Không có
Tư thực	Không có	Thuộc vùng khó khăn	Không có
Trường chuyên biệt	Không có	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không có
Trường liên kết với nước ngoài	Không có		

1. Số lớp

Số lớp	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Khối lớp 10	19	19	20	18	17
Khối lớp 11	19	19	19	19	18
Khối lớp 12	19	19	18	17	19
Cộng	57	57	57	54	54

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

STT	Số liệu	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	57	58	58	64	65	
1	Phòng học	43	45	45	54	54	
a	- Phòng kiên cố	43	45	45	54	54	
b	- Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	- Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	12	11	11	08	08	
a	- Phòng kiên cố	12	11	11	08	08	
b	- Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	- Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	02	02	02	02	03	
a	- Phòng kiên cố	02	02	02	02	03	
b	- Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	- Phòng tạm	0	0	0	0	0	

STT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
II	Khối phòng hành chính-quản trị	14	14	14	14	14	
1	- Phòng kiên cố	14	14	14	14	14	
2	- Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	- Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	01	01	01	01	01	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (phòng nghỉ giáo viên)	03	03	03	03	03	
1	- Phòng kiên cố	03	03	03	03	03	
2	- Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	- Phòng tạm	0	0	0	0	0	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a. Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 11 năm 2021

	Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	0	0	0	01	
Phó Hiệu trưởng	02	01	0	0	02	0	
Giáo viên	116	76	02	0	87	29	
Nhân viên	22	17	0	0	22	0	
Cộng	141	95	02	0	111	30	

b. Số liệu của 5 năm gần đây

STT	Số liệu	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021
1	Tổng số giáo viên	117	118	117	118	116
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	5,26	2,07	2,05	2,18	2,18
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,047	0,047	0,047	0,049	0,050
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0
6	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0

4. Học sinh**a. Số liệu chung**

STT	Số liệu	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	2468	2472	2465	2402	2359	
	- Nữ	1337	1298	1316	1264	1250	
	- Dân tộc thiểu số	569	498	554	503	443	
	- Khối lớp 10	834	832	877	798	767	
	- Khối lớp 11	860	868	820	840	771	
	- Khối lớp 12	774	772	768	766	821	
2	Tổng số tuyển mới	834	832	877	794	763	

STT	Số liệu	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Ghi chú
3	Học 2 buổi/ngày	0	2472	2465	2402	2359	
4	Bán trú	0	0	0	0	176	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp học	43,30	43,37	43,25	44,48	43,68	
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	2468 (100%)	2472 (100%)	2465 (100%)	2402 (100%)	2359 (100%)	
	- Nữ	1337	1298	1316	1264	1250	
	- Dân tộc thiểu số	569	498	554	503	443	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	18	17	21	28	29	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	27	28	24	53	48	
	- Nữ	15	13	12	11	23	
	- Dân tộc thiểu số	2	2	3	1	3	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	07	14	15	20	29	

STT	Số liệu	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Ghi chú
12	Các số liệu khác (nếu có)						

c) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	3,98	4,12	3,80	5,30	7,22	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	44,65	44,37	40,97	40,66	44,36	
Tỷ lệ học sinh xếp loại trung bình	47,60	47,56	48,51	48,99	44,49	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	3,77	3,95	6,72	5,05	3,93	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	77,98	79,50	78,51	86,74	84,51	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	20,06	18,40	20,13	12,37	11,95	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	1,96	2,1	1,36	0,89	3,54	

Phần II: TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Thực hiện chủ trương đổi mới mặt bằng để xây dựng trường học của Quận ủy và Ủy ban nhân dân Quận 11, Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải được xây dựng tại số 343D Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11 trên diện tích khu đất 8955,80m² trước đây do Công ty Bao Bì Sài Gòn quản lý sử dụng, được Ủy ban nhân dân thành phố thu hồi và bàn giao cho Quận 11 xây trường theo Quyết định số 5239/QĐ-UB ngày 22 tháng 10 năm 2004. Dự án đầu tư do Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng Desco 06 lập và được Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt theo Quyết định số 2717/QĐ-SXD-KHĐT ngày 01 tháng 08 năm 2006. Trường được xây dựng với mục tiêu sứ mệnh là:

- Một trường trung học phổ thông đạt uy tín về chất lượng, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

- Môi trường học tập đảm bảo nề nếp, kỷ cương với bầu không khí sư phạm lành mạnh, giúp mỗi học sinh đều có cơ hội học tập và rèn luyện, phát triển tối đa năng lực của bản thân.

- Giáo dục và giảng dạy cho học sinh nắm được kiến thức, kỹ năng cơ bản của tất cả các môn học phổ thông, để mỗi học sinh đủ tự tin, có khả năng hội nhập vào xã hội công nghiệp hóa, hiện đại hóa sau khi hoàn thành bậc học Trung học phổ thông. Đồng thời, biết cách giải quyết các vấn đề một cách độc lập, sáng tạo. Biết cách học và tự học. Có ý thức tự giác, thật thà, thân thiện, hoà nhập và chia sẻ. Có phong cách và lối sống đẹp phù hợp với truyền thống dân tộc và hiện đại.

➤ Quy mô xây dựng

Trường được xây dựng gồm 01 trệt và 04 lầu với diện tích xây dựng hạng mục chính là 2.422,75m² và diện tích sàn xây dựng là 10.987,55m². Tổng cộng 83 phòng. Trong đó:

- 54 phòng học

- 01 phòng thí nghiệm Lý
- 01 phòng thí nghiệm Hoá
- 01 phòng thí nghiệm Sinh
- 01 phòng thực hành STEM
- 02 phòng Nghe nhìn
- 03 phòng Vi tính (147 máy tính)
- 02 phòng Thư viện (01 - giáo viên, 01 - học sinh)
- 01 phòng làm việc Hiệu trưởng
- 02 phòng làm việc Phó Hiệu trưởng
- 01 phòng họp
- 01 phòng Tài vụ
- 01 phòng Văn thư
- 01 phòng Học vụ
- 01 phòng Thiết bị
- 01 phòng Y tế học đường
- 01 phòng Đoàn thanh niên
- 01 phòng Công đoàn
- 01 phòng Giám thị
- 01 phòng truyền thống
- 01 phòng sinh hoạt chuyên môn giáo viên với sức chứa 150 chỗ
- 01 hội trường với sức chứa 300 chỗ
- 03 phòng nghỉ Giáo viên (nam, nữ)
- 01 sân thể dục đa năng
- 01 nhà xe dành cho giáo viên

- 01 nhà xe dành cho học sinh
- Các khu nhà vệ sinh dành cho giáo viên, nhân viên, học sinh

Từ những năm đầu thực hiện đến nay, kết quả thu được đã chứng tỏ học sinh năng động, tự tin, bản lĩnh hơn trong mọi hoạt động, đủ năng lực hội nhập trong các môi trường giáo dục tiên tiến. Với sĩ số khoảng 45 học sinh/ lớp, song song với việc giáo dục tri thức, giáo viên có điều kiện quan tâm tìm hiểu, hướng dẫn từng học sinh rèn luyện nhân cách, xác định lý tưởng, hướng nghiệp và xây dựng phương pháp tự học cho học sinh, tổ chức cho học sinh thực hành và đánh giá, uốn nắn từng học sinh trong quá trình dạy học... Từ đó, có thể nhận thấy phương pháp giảng dạy mới của mô hình giáo dục mới đã đạt được nhiều kết quả khả quan:

➤ ***Về phía học sinh***

- Học sinh có khả năng tự học.
- Học sinh chủ động hơn trong học tập.
- Học sinh nắm khá vững kiến thức và được trau dồi nhiều kỹ năng sống thiết thực thông qua các hoạt động của nhà trường.
- Học sinh đoàn kết gắn bó với nhau, xây dựng tinh thần tập thể, biết chia sẻ thông tin, hoàn thiện nhân cách, đủ điều kiện để hội nhập trong các môi trường giáo dục tiên tiến.
- Số học sinh vi phạm nội quy giảm, không có học sinh vi phạm luật giao thông.

➤ ***Về phía giáo viên***

- Giáo viên từng bước làm quen và sử dụng hiệu quả các thiết bị dạy học hiện đại hiện có tại trường, làm cho tiết học sinh động, lý thú hơn.
- Giáo viên rất chú ý trong việc tổ chức hướng dẫn cho học sinh thảo luận nhóm giúp học sinh phát huy khả năng tự học và sáng tạo.
- Giáo viên có năng lực đánh giá, xếp loại học sinh trong quá trình giảng dạy,

kip thời phát huy sở trường và chấn chỉnh, khắc phục khuyết điểm cho từng học sinh.

- Giáo viên từng bước biết cách tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khóa, giao lưu nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh, đồng thời gây dựng được ý thức trách nhiệm của cá nhân với tập thể, biết quan tâm đến đời sống, xã hội, cộng đồng.
- Trên bước đường phát triển và hoàn thiện mô hình, nhà trường luôn có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ để giáo viên đủ khả năng hội nhập với các nền giáo dục tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.
- Nhà trường luôn định hướng cho giáo viên trong việc quan tâm giữ gìn và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa Việt Nam, giáo dục cho học sinh ý thức tự hào dân tộc. Các buổi lễ truyền thống như Trại Xuân, giỗ Tổ vua Hùng Vương luôn được nhà trường tổ chức trang trọng, khơi gợi ý thức cội nguồn cho học sinh.

2. Mục đích tự đánh giá

Thực hiện Thông tư số 18/2018/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, văn bản 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

Qua quá trình tập huấn về công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức, thực hiện các quyết định, kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, nhà trường đã tiến hành tự đánh giá nhằm mục đích giúp cho đội ngũ sư phạm nhà trường có cái nhìn tổng quát về những mặt mạnh, mặt hạn chế trong công tác tổ chức quản lý các hoạt động giáo dục mà nhà trường đã tiến hành trong nhiều năm qua. Từ kết quả kiểm định, nhà trường sẽ xây dựng một kế hoạch để cải tiến những tiêu chí chưa đạt yêu cầu nhằm nâng cao chất lượng giáo dục tại trường, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao mà xã hội đặt ra cho ngành giáo dục nói

chung và nhà trường nói riêng.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

3.1. Căn cứ pháp lý

- Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông;

- Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ cha mẹ học sinh;

- Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Thông tư số 13/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục.

3.2. Phạm vi tự đánh giá

Toàn bộ các hoạt động của nhà trường theo bộ tiêu chí gồm 5 tiêu chuẩn, 28 tiêu chí theo Thông tư 18/2018/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Trong quá trình tự đánh giá, hội đồng tự đánh giá làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và thảo luận để đi đến thống nhất; mọi quyết định có giá trị khi ít nhất 2/3 số thành viên trong hội đồng tự đánh giá nhất trí. Tuy nhiên, do tiến

hành theo phương pháp phổ biến quy trình tự đánh giá và yêu cầu các bộ phận, cá nhân của trường phối hợp thực hiện, nhưng không tránh khỏi thiếu sót và chủ quan, nhà trường vẫn mạnh dạn tự đánh giá, thông báo công khai với các cơ quan chức năng và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường; để cơ quan chức năng đánh giá công nhận trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải tiến hành quá trình thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Thành lập hội đồng căn cứ theo Điều 23, Điều 24 và Điều 25, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018; danh sách thành viên hội đồng được công bố trong cuộc họp hội đồng sư phạm nhà trường và niêm yết công khai tại bản tin của nhà trường. Thông báo trước hội đồng sư phạm ngày 12 tháng 01 năm 2021.

Bước 2: Xây dựng kế hoạch đánh giá căn cứ vào phụ lục 1 của Công văn số 5932 /BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chủ tịch hội đồng tự đánh giá phê duyệt các nội dung trong kế hoạch tự đánh giá ngày 15 tháng 01 năm 2021, công bố trong phiên họp hội đồng sư phạm đầu năm học ngày 19 tháng 01 năm 2021.

Bước 3: Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng căn cứ vào thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT để đánh giá nêu cách thức thu thập, xử lý và phân tích minh chứng. Thời gian thực hiện từ ngày 19 tháng 01 năm 2021 đến ngày 16 tháng 4 năm 2021.

Bước 4: Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí căn cứ vào thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT để đánh giá từng tiêu chí. Thời gian thực hiện từ ngày 17 tháng 4 năm 2021 đến ngày 10 tháng 5 năm 2021.

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá căn cứ vào phụ lục 6 của Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thời gian thực hiện từ ngày 11 tháng 05 năm 2021 đến ngày 04 tháng 8 năm 2021.

Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá vào thời điểm ngày 30 tháng 12 năm

2021.

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

- Thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng đề ra trong báo cáo tự đánh giá.
- Gửi báo cáo tự đánh giá cho cơ quan quản lý trực tiếp.
- Hằng năm cập nhật báo cáo tự đánh giá và lưu trữ tại trường.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trong nhà trường, tổ chức và quản lý là yếu tố quan trọng nhất, quyết định đến hiệu quả của mọi hoạt động. Nếu khâu tổ chức và quản lý không được thực hiện tốt thì chắc chắn sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả công việc, đặc biệt là chất lượng giáo dục – mục tiêu vai trò lớn nhất của nhà trường nói riêng và toàn ngành nói chung.

Nhận thức được tầm quan trọng này nên Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải đã tiến hành xây dựng phương hướng, chiến lược và phát triển nhà trường. Những phương hướng, chiến lược ấy phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn cũng như các nguồn lực sẵn có.

Về mặt tổ chức, Hội đồng trường và các hội đồng khác, gồm có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể như Công đoàn, Chi đoàn giáo viên, Đoàn thanh niên... cũng được thành lập theo quy định và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định. Những hoạt động của các tổ chức trong nhà trường đều được rà soát, kiểm tra, đánh giá định kỳ.

Nhà trường có Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng, cơ cấu lớp học đúng theo quy định.

Bên cạnh đó, Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải đã thực hiện

tốt chức năng quản lý hành chính, tài chính và tài sản, quản lý cán bộ - giáo viên - nhân viên và học sinh, quản lý các hoạt động giáo dục, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Căn cứ vào Nghị quyết Đảng bộ Quận 11 lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 - 2025, nhà trường đã xây dựng Chiến lược phát triển giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Chiến lược phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật

giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các nguồn lực của nhà trường. Có sự tham gia của đội ngũ cán bộ - giáo viên - nhân viên trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

Chiến lược phát triển Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải được xây dựng bằng văn bản theo Kế hoạch số 16/TQK-2020 ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Hiệu trưởng trường và được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt [H1-1.1-01].

Sau khi kế hoạch chiến lược được ban hành và phê duyệt, nhà trường đã tiến hành công khai thông qua hình thức đăng tải trên trang thông tin điện tử của trường [H1-1.1-03].

Mức 2:

Căn cứ vào tình hình thực tế từng giai đoạn, nhà trường đã có những giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng xây dựng và phát triển thể hiện rõ qua các biện pháp tổ chức thực hiện trong kế hoạch năm học của nhà trường và công tác kiểm tra nội bộ hằng năm nhằm đảm bảo các chỉ tiêu của chiến lược được quan tâm thực hiện đầy đủ [H1-1.1-04].

Mức 3:

Hằng năm, trường có tổ chức rà soát, đánh giá và bổ sung việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường về chỉ tiêu phấn đấu và giải pháp thực hiện để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ năm học. Quá trình tổ chức xây dựng phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của cán bộ - giáo viên - nhân viên và học sinh. Tuy nhiên việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh chiến lược của nhà trường phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn đôi lúc chưa kịp thời [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh

Chiến lược xây dựng và phát triển của Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải được soạn thảo đầy đủ, phù hợp với mục tiêu giáo dục cấp phổ thông, phù hợp với điều kiện của nhà trường và địa phương. Có sự tham gia của đội ngũ

cán bộ - giáo viên - nhân viên và học sinh trường.

Chiến lược phát triển giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 đã xác định rõ sứ mệnh, tầm nhìn và hệ thống giá trị của nhà trường, làm cơ sở để xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục hằng năm.

Chiến lược đã được công khai đến toàn thể cán bộ - giáo viên – nhân viên nhà trường và trên trang thông tin điện tử đã được thực hiện.

3. Điểm yếu

Cuối mỗi năm học, thông qua tổng kết năm học, nhà trường có tổ chức rà soát, bổ sung, điều chỉnh chiến lược xây dựng và phát triển sao cho phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, theo từng giai đoạn.

Nhưng do thay đổi đột xuất về cán bộ quản lý và thành viên Hội đồng trường, nên việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện chiến lược của nhà trường theo từng giai đoạn đôi lúc chưa kịp thời chưa được như mong muốn của Hội đồng trường và Lãnh đạo nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cuối năm học 2021-2022 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tổ chức tổng kết thực hiện nhiệm vụ năm học, đồng thời tiến hành rà soát việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường có sự tham gia đóng góp ý kiến của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh; qua đó rút ra những ưu điểm, hạn chế, đồng thời bổ sung và điều chỉnh kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường một cách cụ thể, kịp thời để bổ sung vào kế hoạch năm học sau.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hội đồng trường Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải nhiệm kỳ 2019 - 2024 được kiện toàn theo Quyết định 04/QĐ-SGDĐT ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Giám đốc Sở giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng trường cơ cấu gồm 13 thành viên, theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H1-1.2-01].

Ngoài ra, trường có thành lập các hội đồng khác như Hội đồng chuyên môn, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng, Hội đồng thẩm định sáng kiến, Hội khuyến học, Hội đồng nâng lương, Hội đồng Kỷ luật (khi có vụ việc xảy ra) [H1-1.2-02], [H1-1.2-03], [H1-1.2-04], [H1-1.2-05], [H1-1.2-06].

Hội đồng trường thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định như: Quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, kế hoạch và phương hướng phát triển của nhà trường; quyết nghị về sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường. Các hội đồng khác như Hội đồng Thi đua – Khen thưởng, Hội đồng thẩm định sáng kiến hoạt động đúng theo quy định [H1-1.2-07].

Hoạt động của các hội đồng mỗi năm đều được rà soát, đánh giá và điều chỉnh để phù hợp với tình hình năm học sau thông qua việc bổ sung vào quy chế hoạt động của các hội đồng [H1-1.2-08], [H1-1.2-09].

Mức 2:

Các hội đồng hoạt động đúng theo quy định và có xây dựng quy chế hoạt động. Từ đó, đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. Tuy nhiên, một số ít thành viên trong các hội đồng chưa hiểu rõ chức năng, nhiệm vụ nên trong quá trình làm việc chưa đều tay [H1-1.2-08], [H1-1.2-10].

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập và cơ cấu thành phần đúng theo quy định. Trong suốt nhiều năm qua, đã hoạt động tích cực, có trách nhiệm đầy nhiệt huyết, tư vấn có hiệu quả cho Lãnh đạo nhà trường, trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhà trường.

Các hội đồng trong nhà trường đa số có sự thống nhất cao, mọi hoạt động đều đúng theo quy chế, quy định và kế hoạch đề ra, chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Cuối học kỳ và năm học, Hội đồng trường và các hội đồng khác luôn có những cuộc họp nghiêm túc, rút kinh nghiệm. Khen thưởng những cá nhân xuất sắc, nhắc nhở khuyến khích để xây dựng tập thể ngày càng vững mạnh.

3. Điểm yếu

Trong các hội đồng, còn một số ít thành viên do chưa nắm rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình nên tham gia đóng góp hoạt động còn hạn chế.

Sự hỗ trợ lẫn nhau trong các hội đồng chưa được nhiều và tích cực.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo, tiếp tục kiện toàn các hội đồng theo quy định và thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy chế hoạt động để nâng cao hiệu quả hoạt động của các hội đồng.

Chủ tịch hội đồng sẽ quán triệt rõ chức năng, nhiệm vụ đến từng thành viên được cơ cấu trong hội đồng để từng cá nhân thực thi có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ của mình.

Tạo sự hiểu biết, cảm thông và đoàn kết lẫn nhau trong Hội đồng trường và các hội đồng khác để đạt được hiệu quả công việc tốt nhất.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Có quyết định thành lập Ban chấp hành công đoàn cơ sở các nhiệm kỳ. Có quyết định công nhận bổ sung chức danh Ủy viên ban chấp hành và Chủ tịch Công

đoàn cơ sở. Có quyết định công nhận Ban chấp hành, Ủy ban kiểm tra Công đoàn cơ sở các nhiệm kỳ. Có quyết định công nhận bổ sung chức danh Ủy viên ban chấp hành, Chủ tịch Ủy viên Ủy ban kiểm tra Công đoàn cơ sở nhiệm kỳ. Có quyết định thành lập Đoàn Thanh niên Cộng Sản Hồ Chí Minh, Chi Đoàn giáo viên Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải. Có quyết định bổ nhiệm Trợ lý Thanh niên [H1-1.3-01], [H1-1.3-02].

Đầu mỗi năm học, tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh đều xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng, đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục. Tuy nhiên, cán bộ đoàn thể đều là kiêm nhiệm nên thời gian dành cho hoạt động đoàn thể chưa nhiều, một số đồng chí được cử đi học nên tiến độ công việc đôi lúc chậm trễ [H1-1.3-03], [H1-1.3-04], [H1-1.3-05], [H1-1.3-06].

Cuối mỗi học kỳ, mỗi năm học, tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh đều tổ chức sơ, tổng kết, rà soát, đánh giá lại các hoạt động của tổ chức mình, nhận xét ưu điểm, hạn chế và đề ra phương hướng hoạt động trong thời gian tới [H1-1.3-07], [H1-1.3-08].

Mức 2:

Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải có chi bộ Đảng độc lập, trực thuộc Quận ủy Quận 11 với tổng số 30 đảng viên (trong đó có 28 đảng viên chính thức và 02 đảng viên dự bị), có cấp ủy do Đại hội Chi bộ bầu ra gồm 3 đồng chí [H1-1.3-09]. Có quyết định chuẩn y kết quả bầu Cấp Ủy, Bí thư, Phó Bí thư Chi bộ các nhiệm kỳ. Có giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu Chi bộ Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải. Chi bộ hoạt động, sinh hoạt và thực hiện các nhiệm vụ khác đúng theo quy định của Điều lệ Đảng [H1-1.3-10]. Trong giai đoạn 2016 – 2020, có 05 năm liên tục chi bộ nhà trường đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-11].

Các đoàn thể như Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Khuyến học luôn tích cực trong hoạt động, đóng góp thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Chi bộ và chính quyền nhà trường [H1-1.3-10].

Mức 3:

Trong giai đoạn 2016 – 2020, có 05 năm liên tục chi bộ nhà trường đều được Quận ủy Quận 11 công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-11].

Các đoàn thể như Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Khuyến học luôn tích cực trong hoạt động, có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng [H1-1.3-07], [H1-1.3-8], [H1-1.3-11].

2. Điểm mạnh

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh được cơ cấu tổ chức theo quy định, hoạt động hiệu quả và có những đóng góp tích cực vào các hoạt động của nhà trường và cộng đồng. Từ đó, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của nhà trường. Tạo được lòng tin yêu sâu sắc của cán bộ - giáo viên - nhân viên – cha mẹ học sinh và học sinh trong suốt nhiều năm qua.

Chi bộ Đảng được thành lập và cơ cấu đúng theo quy định, hoạt động đúng Điều lệ Đảng và đã lãnh đạo nhà trường ngày càng phát triển đi lên. Liên tục nhiều năm liền, chi bộ Đảng được cấp trên xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Các hoạt động của đoàn thể, chi bộ hằng năm đều được rà soát, đánh giá nhằm chỉ ra những ưu điểm, hạn chế để hoạt động tốt hơn trong thời gian tới.

3. Điểm yếu

Cán bộ Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh đều là kiêm nhiệm, còn nặng công tác chuyên môn nên thời gian dành cho hoạt động đoàn thể chưa nhiều, một số đồng chí được cử đi học nên tiến độ công việc đôi lúc chậm trễ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của chi bộ Đảng và các đoàn thể trong nhà trường, thường xuyên rà soát, đánh giá hoạt động để cải tiến, nâng cao hơn nữa hiệu quả, góp phần hoàn thành tốt các kế hoạch nhà trường đề ra.

Trong năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, khi phân công nhiệm vụ, Hiệu trưởng nhà trường giảm tải công việc cho cán bộ kiêm nhiệm tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Khuyến học để các đồng chí này có thời gian đầu tư cho hoạt động đoàn thể.

Ngoài ra đối với cán bộ, giáo viên được cử đi học, cần chủ động sắp xếp thời gian, bàn giao công việc để đảm bảo tiến độ công việc.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Có các quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng - Đặng Thị Thúy Ái; Phó Hiệu

trưởng - Nguyễn Thị Thanh Hoàng; Phó Hiệu trưởng - Phan Khôi Long [H1-1.4-01], [H1-1.4-02].

Có 13 tổ chuyên môn: Toán Học, Vật Lý, Hóa Học, Sinh Học, Công Nghệ, Tin Học, Ngữ Văn, Lịch Sử, Địa Lý, Tiếng Anh, Giáo Dục Công Dân, Giáo Dục Thể Chất, Giáo dục Quốc phòng và An ninh. Có 01 tổ Văn phòng gồm các bộ phận: học vụ, hành chánh, kế toán, thủ quỹ, giám thị, phục vụ, bảo vệ, y tế, thư viện, thiết bị. Mỗi tổ chuyên môn có 01 tổ trưởng do Hiệu trưởng bổ nhiệm vào đầu năm học trên cơ sở giới thiệu của tổ chuyên môn và chịu sự quản lý chỉ đạo của Hiệu trưởng. Hằng năm có quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn và tổ trưởng, tổ phó văn phòng, danh sách phân công nhiệm vụ cán bộ - giáo viên - nhân viên và các bộ phận trong nhà trường [H1-1.4-03]

Có kế hoạch hoạt động của các tổ theo học kỳ, năm học. Mỗi tổ chuyên môn lên kế hoạch phân công giao việc cho từng cá nhân. Mỗi học kỳ tổ trưởng chuyên môn rà soát, đánh giá kết quả nhiệm vụ của các thành viên trong tổ để kịp thời chấn chỉnh chuyên môn các thành viên trong tổ khi cần thiết. Hằng tháng tổ chuyên môn sinh hoạt tổ định kỳ và có ghi biên bản sinh hoạt tổ [H1-1.4-04] [H1-1.4-05].

Mức 2:

Nhằm đổi mới phương pháp dạy học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, hằng năm, các tổ chuyên môn đều đề xuất và thực hiện 01 hoặc 02 chuyên đề chuyên môn. Các chuyên đề được thảo luận để rút kinh nghiệm về phương pháp dạy học và nhân rộng những sáng kiến hay trong dạy và học, từ đó, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của các thành viên trong tổ [H1-1.4-06].

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng định kỳ thực hiện rà soát, đánh giá hoạt động theo từng học kỳ và vào cuối mỗi năm học. Trên cơ sở đó, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng rút ra những ưu điểm, hạn chế để phấn đấu hoàn thành tốt hơn các nhiệm vụ của năm học sau [H1-1.4-06], [H1-1.4-07], [H1-1.4-08].

Mức 3:

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, nguyên tắc hoạt động, chế độ hội họp của tổ chuyên môn quy định tại Điều 16; Điều 17 của Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, các tổ tổ chức sinh hoạt đầy đủ. Đầu năm học, căn cứ vào kế hoạch, phương hướng, nhiệm vụ của trường, các tổ đều xây dựng kế hoạch hoạt động theo tuần, tháng, học kỳ, năm học, đồng thời xây dựng kế hoạch đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá, kế hoạch dạy chuyên đề, tự chọn, dạy bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu. Tuy nhiên, một số ít tổ chưa quan tâm nhiều đến nghiên cứu khoa học, đặc biệt là hướng dẫn học sinh nghiên cứu và tham gia cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp thành phố do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức [H1-1.4-09].

Qua triển khai các chuyên đề sinh hoạt chuyên môn ở tổ đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ và chất lượng các môn học. Đặc biệt, trong ôn tập cho kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, các chuyên đề chuyên môn đã phát huy tác dụng, một số môn học, nhà trường có điểm bình quân cao hơn mặt bằng của thành phố. Hằng năm, một số tổ hoạt động có hiệu quả đã được nhà trường khen thưởng, biểu dương [H1-1.4-10].

2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức của các tổ chuyên môn, tổ văn phòng hợp lý, đúng quy định, nhờ thế đã phát huy được sức mạnh tổng hợp, phát huy được vai trò của từng cá nhân trong tổ chuyên môn và phát huy được vai trò của tập thể từng tổ.

Các tổ, cá nhân trong tổ đều xây dựng kế hoạch theo tuần, tháng, học kỳ, năm đầy đủ, khoa học. Trong đó thể hiện sự phân công nhiệm vụ rõ ràng, có đề ra mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp sát với điều kiện thực tế của tổ, của nhà trường.

Sinh hoạt tổ theo định kỳ, thực hiện dân chủ, nội dung, phương thức sinh hoạt tổ chuyên môn đã có nhiều sự đổi mới đi sâu vào chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm học tập lẫn nhau; tích cực thực hiện những tiết học theo khuynh hướng đổi mới, tổ chức sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt ngoại khóa liên môn có hiệu quả.

3. Điểm yếu

Còn một vài môn chất lượng kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông chưa được cao, không ổn định.

Tỷ lệ học sinh giỏi thành phố còn thấp, chưa có học sinh giỏi cấp quốc gia.

Một số tổ thực hiện chưa hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng rõ ràng cụ thể chú trọng nâng cao chất lượng chuyên môn.

Hiệu trưởng chú trọng nghiên cứu các giải pháp kiện toàn về sắp xếp nhân sự tổ bộ môn, triển khai thực hiện một số phương án thu hút nhân lực hiệu quả hơn trong tuyển chọn giáo viên, nhân viên; nhằm tạo điều kiện ngày càng thuận lợi hơn cho việc sinh hoạt chuyên môn và xây dựng định hướng giải pháp nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn – nghiệp vụ ở từng tổ bộ môn.

Năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục cụ thể, phát huy năng lực của các tổ chuyên môn; xây dựng kế hoạch đưa giáo viên tham gia nhiều dự án, nhiều hoạt động chuyên môn cấp cụm và cấp thành phố để học tập kinh nghiệm, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục cho trường; có chế độ khen thưởng kịp thời, hợp lý để động viên giáo viên đầu tư, nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;*
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải có số lớp đầy đủ cả 3 khối 10, 11, 12 của cấp trung học phổ thông [H1-1.5-01].

Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định (Giáo viên chủ nhiệm, lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng). Có sổ chủ nhiệm hằng năm. Sĩ số học sinh thể hiện không quá 45 học sinh mỗi lớp trong sổ chủ nhiệm; có sổ gọi tên ghi điểm hằng năm lưu tại phòng học vụ [H1-1.5-02], [H1-1.5-03]

Các lớp học trong nhà trường hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ, thể hiện qua việc bầu lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng do tập thể học sinh tín nhiệm bầu [H1-1.5-02].

Mức 2:

Trường có số lớp học quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định (từ 40 – 45 học sinh/lớp).

Mức 3:

Trường có số lớp học quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định [H1-1.5-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các lớp của cấp học: các lớp khối 10, khối 11, khối 12. Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức hoạt động theo nguyên tắc

tự quản, dân chủ, thể hiện qua việc bầu lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng do tập thể học sinh tín nhiệm bầu;

3. Điểm yếu

Số lớp học quá đông (52 lớp). Tất cả đều có số học sinh từ 40 - 45 học sinh/1 lớp học.

Nhà trường chưa đạt sĩ số học sinh là không quá 40 học sinh/lớp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm quan tâm, thường xuyên tư vấn, hỗ trợ, có biện pháp quản lý, kiểm tra giám sát để ban cán sự lớp điều hành hoạt động tự quản của lớp tốt hơn.

Lãnh đạo nhà trường cân đối chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 khắc phục số lượng lớp học và sĩ số lớp học theo đúng quy định.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên

quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường lưu trữ đầy đủ hệ thống hồ sơ, sổ sách về hoạt động giáo dục theo quy định tại điều 27 của Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học gồm: Sổ đăng bộ; sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến; sổ gọi tên và ghi điểm; sổ ghi đầu bài; học bạ học sinh; sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ; sổ nghị quyết của nhà trường và sổ nghị quyết của hội đồng trường; hồ sơ thi đua; hồ sơ đánh giá cán bộ - giáo viên - nhân viên hồ sơ kỷ luật; sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến; sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục; sổ quản lý tài chính; hồ sơ quản lý thư viện và hồ sơ theo dõi sức khỏe học sinh; sổ ghi kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn; giáo án; sổ dự giờ; sổ chủ nhiệm [H1-1.6-01].

Đầu mỗi năm tài chính, nhà trường có lập dự toán thu chi gửi Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp kinh phí hoạt động theo năm. Hằng quý, bộ phận tài vụ nhà trường thực hiện thu chi, quyết toán kinh phí và công khai theo quy định [H1-1.6-02]. Cuối mỗi năm, nhà trường có tổ chức tự kiểm tra tài chính và báo cáo cấp trên [H1-1.6-03], [H1-1.6-04], [H1-1.6-06].

Định kỳ, nhà trường có thành lập Ban kiểm kê tài sản tính đến ngày 31 tháng 12 hằng năm. Ban kiểm kê tiến hành rà soát, dán nhãn kiểm kê và ghi biên bản đề nghị thanh lý tài sản hư hỏng, không sử dụng được [H1-1.6-04].

Cuối năm, quy chế chi tiêu nội bộ nhà trường được gửi đến từng cán bộ - giáo viên - nhân viên để lấy ý kiến và điều chỉnh, cập nhật cho phù hợp. Sau đó,

được ban hành chính thức và nộp Kho bạc, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh để theo dõi thực hiện [H1-1.6-05].

Công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được nhà trường thực hiện tốt, đúng mục đích, có hiệu quả để phục vụ các hoạt động của nhà trường. Tuy nhiên, vẫn còn một số chứng từ thiếu công văn triệu tập, biểu mẫu chưa cập nhật kịp thời, thiếu một vài thủ tục trong hồ sơ thanh toán.

Mức 2:

Bộ phận tài vụ nhà trường thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài chính, tài sản thông qua phần mềm kế toán được quy định. Từ đó, công tác quản lý tài chính, tài sản chặt chẽ, hiệu quả và việc báo cáo lên cấp trên cũng dễ dàng, độ chính xác cao [H1-1.6-04], [H1-1.6-06], [H1-1.6-09].

Trong giai đoạn từ năm 2019 đến nay, nhà trường không để xảy ra sai phạm liên quan đến quản lý tài chính, tài sản [H1-1.6-06].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường chưa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài chính, tài sản được bộ phận tài vụ nhà trường thực hiện mang lại hiệu quả thiết thực, đảm bảo tính chính xác và tiến độ công việc nhanh chóng.

3. Điểm yếu

Công tác quản lý tài sản của một số phòng ban chưa chặt chẽ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, Hiệu trưởng nhà trường tiếp tục tăng cường công tác quản lý tài chính, tài sản đảm bảo đúng quy định của pháp

luật, duy trì việc sử dụng các phần mềm trong quản lý tài chính, tài sản.

Đồng thời, định kỳ tổ chức công tác tự kiểm tra tài chính, kiểm kê tài sản, xây dựng, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ để nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước tại đơn vị.

Cung cấp kiến thức liên quan tài chính để tăng cường sự hiểu biết của cán bộ, giáo viên, công nhân viên nhà trường để tránh tối đa sự hiểu lầm, gây bất an chia rẽ nội bộ tập thể ảnh hưởng đến hiệu quả công việc, chất lượng của việc dạy và học.

Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, Hiệu trưởng nhà trường phân công cụ thể việc quản lý tài sản khoa học hơn và chặt chẽ hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ, Hiệu trưởng nhà trường có xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ - giáo viên - nhân viên giai đoạn 2019-2021. Hằng năm, trường đều ban hành kế

hoạch bồi dưỡng thường xuyên. Trên cơ sở đó, các tổ chuyên môn và cá nhân mỗi cán bộ - giáo viên đều tự xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho cá nhân [H1-1.7-01].

Hằng năm, sau khi thống nhất biên chế lớp, giáo viên, nhà trường đã tiến hành họp các tổ trưởng chuyên môn và tổ trưởng văn phòng để thống nhất định hướng phân công. Dựa vào cơ cấu lớp, định hướng của hiệu trưởng, các tổ trưởng chuyên môn đã họp tổ và thống nhất dự thảo phân công của từng tổ. Hiệu trưởng tổ chức họp hội đồng chuyên môn, Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh để rà soát, điều chỉnh và tiến hành ban hành quyết định phân công lao động chính thức. Nhờ vậy, việc phân công, sử dụng cán bộ - giáo viên - nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động. [H1-1.7-02], [H1-1.7-03].

Trong những năm qua, nhà trường luôn đảm bảo các quyền của cán bộ - giáo viên - nhân viên theo quy định của Điều lệ trường trung học, Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Quy chế làm việc của cơ quan [H1-1.7-04].

Mức 2:

Trong phân công thực hiện các nhiệm vụ của nhà trường, lãnh đạo trường đã chú trọng phân công phù hợp với năng lực, sở trường, chuyên ngành đào tạo của từng cán bộ - giáo viên - nhân viên. Ngoài ra, nhà trường cũng đã có nhiều biện pháp khác để phát huy năng lực đội ngũ như là đẩy mạnh công tác thi đua – khen thưởng, động viên những thầy cô có thành tích tốt trong công tác, phát động phong trào viết và nhân rộng sáng kiến, giải pháp trong công tác [H1-1.7-05], [H1-1.7-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm và có kế hoạch trong việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ - giáo viên - nhân viên. Luôn khích lệ tạo điều kiện đầy đủ cho cán bộ - giáo viên - nhân viên học tập giao lưu trao đổi nâng cao chuyên môn và nghiệp vụ.

Công tác phân công nhiệm vụ khách quan, rõ ràng, phù hợp năng lực, sở trường đội ngũ. Có nhiều chính sách hỗ trợ từ vật chất đến tinh thần là động lực

mạnh mẽ cho cán bộ - giáo viên - nhân viên an tâm công tác. Từ đó, đã góp phần nâng cao chất lượng nhà trường.

Đặc biệt quyền và các chế độ của cán bộ - giáo viên - nhân viên luôn được đảm bảo và kịp thời nên tất cả cán bộ - giáo viên - nhân viên trường an tâm công tác và cống hiến vì sự phát triển chung tập thể.

3. Điểm yếu

Cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động chuyên môn còn có hạn, cho nên những sinh hoạt chuyên môn chưa được phong phú và đa dạng.

Công tác phân công cán bộ - giáo viên - nhân viên dù thực hiện đúng quy trình nhưng vẫn còn tình trạng thừa thiếu cục bộ giáo viên nên vẫn còn một số giáo viên dạy thiếu tiết theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ - giáo viên - nhân viên của trường. Đồng thời thực hiện công tác phân công nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp với năng lực, sở trường của từng cán bộ - giáo viên - nhân viên.

Rà soát quy hoạch cao học, ưu tiên những cán bộ - giáo viên - nhân viên có nhiệt huyết công tác và có điều kiện gắn bó lâu dài với nhà trường để có điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và cống hiến cho nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

Hằng năm, căn cứ vào điều kiện thực tế địa phương, đặc điểm tình hình về nhân sự, cơ sở vật chất và quy mô lớp học, hiệu trưởng nhà trường đều xây dựng kế hoạch giáo dục. Kế hoạch giáo dục theo năm học của nhà trường đảm bảo tính khả thi và phù hợp [H1-1.8-01].

Sau Hội nghị cán bộ, viên chức, kế hoạch năm học của nhà trường được ban hành chính thức. Trên cơ sở đó, từng bộ phận, từng tổ chuyên môn cụ thể hóa và đưa vào thực hiện. Nhìn chung, đa số các chỉ tiêu, nhiệm vụ được thực hiện đầy đủ. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít chỉ tiêu bộ môn còn thấp, chưa đạt theo kế hoạch đề ra.

Cuối mỗi học kỳ, cuối năm, nhà trường đều tổ chức rà soát, đánh giá các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch để có biện pháp uốn nắn, điều chỉnh kịp thời [H1-1.8-02], [H1-1.8-03].

Mức 2:

Trường hoạt động giáo dục theo mô hình trường hai buổi/ngày, do đó trường không tổ chức dạy thêm học thêm trong nhà trường [H1-1.8-04], [H1-1.8-05].

Nhà trường có các hoạt động giáo dục ngoài việc dạy học chính khoá như là: kỹ năng sống, hoạt động sinh hoạt theo chuyên đề dưới sân cờ, hoạt động sinh hoạt theo chủ điểm của đoàn thanh niên. Các hoạt động này đều có kế hoạch và được kiểm tra đánh giá các hoạt động [H1-1.8-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp, có tính khả thi cao.

Công tác tổ chức, chỉ đạo thực hiện kế hoạch tốt, đảm bảo đa số nhiệm vụ, kế hoạch đạt chỉ tiêu đã đề ra.

3. Điểm yếu

Chất lượng của một số ít môn chưa đạt theo chỉ tiêu phân đầu mà kế hoạch giáo dục nhà trường đã đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, Hiệu trưởng nhà trường tiếp tục thực hiện tốt việc xây dựng, tổ chức thực hiện, rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch gắn với đặc thù địa phương và nhà trường để phát huy hơn nữa hiệu quả hoạt động giáo dục.

Hiệu trưởng phân công một Phó Hiệu trưởng chịu trách nhiệm chính về việc quản lý nề nếp của học sinh và chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm tăng cường nhắc nhở việc chấp hành nội quy về kỷ luật, chuyên cần của học sinh để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng phối hợp cùng Công đoàn tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức để đánh giá nghị quyết năm học trước, đồng thời thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động nhà trường. Tất cả dự thảo các văn bản đều được gửi qua email để cán bộ - giáo viên - nhân viên tham gia đóng góp. Tuy nhiên, còn vài cán bộ - giáo viên - nhân viên chưa tích cực trong việc đóng góp ý kiến xây dựng cơ quan, đơn vị [H1-1.9-01], [H1-1.9-02].

Trong 05 năm qua, nhà trường có trường hợp khiếu nại của giáo viên nhưng phản ánh không đúng thực tế. Các trường hợp này đã được nhà trường và cấp quản lý giải đáp phản hồi bằng văn bản cho đương sự và công khai phản hồi của lãnh đạo nhà trường, cấp quản lý đến toàn thể cán bộ - giáo viên - nhân viên của trường.[H1-1.9-03].

Thực hiện theo hướng dẫn của Ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở Quận 11, hằng năm, nhà trường đều thực hiện đầy đủ, kịp thời báo cáo tổng kết thực hiện quy chế dân chủ năm, nộp cho Ban chỉ đạo Quận [H1-1.9-02].

Mức 2:

Nhằm giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, nhất là trong việc thực hiện chế độ chính sách cho người lao động, việc thực hiện tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ, quản lý, sử dụng tài sản, tài chính, Ban thanh tra nhân dân đã thực hiện đúng, đủ chức trách nhiệm vụ được giao trong việc giám sát thường xuyên. Thông qua hoạt động giám sát, Ban thanh tra nhân dân đã kiến nghị chính quyền nhà trường giải trình những vấn đề chưa rõ cho đội ngũ cán bộ - giáo viên - nhân viên được biết [H1-1.9-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã phát huy khá tốt dân chủ trong trường học, thông qua việc lấy ý kiến rộng rãi cán bộ - giáo viên - nhân viên trước khi ban hành các kế hoạch,

nội quy, quy định, quy chế của đơn vị đặc biệt thông qua Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm.

Công tác thực hiện quy chế dân chủ được công khai, minh bạch và hiệu quả theo từng quý, từng học kỳ, từng năm học.

3. Điểm yếu

Mặc dù, nhà trường nỗ lực trong việc tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ - giáo viên - nhân viên tham gia đóng góp xây dựng kế hoạch giáo dục, các nội quy, quy định, quy chế. Tuy nhiên, còn một số cán bộ - giáo viên - nhân viên chưa mạnh dạn tham gia đóng góp trên tinh thần xây dựng đơn vị và chưa hiểu rõ những quy định quy chế nên vẫn còn tồn tại những ý kiến không tán thành. Vì vậy, làm trở ngại không ít đến công tác quản lý, ảnh hưởng lớn đến tâm lý, sự đoàn kết tập thể và gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của nhà trường nói chung và chất lượng giảng dạy nói riêng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục phối hợp tốt với Công đoàn trong việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, tiếp tục công khai, minh bạch những vấn đề viên chức, người lao động cần phải biết.

Đồng thời kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của đội ngũ cán bộ viên chức trong đơn vị để xây dựng môi trường làm việc dân chủ, đoàn kết.

Hiệu trưởng cùng với Ban chấp hành công đoàn động viên, khuyến khích cán bộ viên chức đơn vị tích cực hơn nữa trong tham gia đóng góp ý kiến với tinh thần xây dựng để đơn vị hoạt động ngày càng hiệu quả.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn

phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm Hiệu trưởng đều có xây dựng phương án phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Định kỳ đều thực hiện kiểm tra và có biên bản kiểm tra đánh giá công tác quản lý chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn phòng chống tai nạn thương tích, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng, vệ sinh môi trường học tập, phòng học, bàn ghế, bảng học, nhà vệ sinh, phòng chống HIV/AIDS. Có quyết định công nhận trường đạt chuẩn về An toàn về An ninh trật

tự. Có văn bản phối hợp giữa nhà trường với cơ quan y tế về chăm sóc sức khỏe và phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm. Có hồ sơ phòng cháy chữa cháy. Có biên bản nghiệm thu xây dựng, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy, chống sét năm 2008. Có biên bản kiểm tra điện trở tiếp đất hệ thống chống sét đánh thẳng năm 2018. Có biên bản kiểm tra phòng cháy chữa cháy hằng năm [H1-1.10-01], [H1-1.10-02], [H1-1.10-03], [H1-1.10-04].

Nhà trường có lắp thùng thư góp ý để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của cha mẹ học sinh, học sinh [H1-1.10-05].

Trong các cuộc họp định kỳ, tổ chuyên môn luôn nhắc nhở giáo viên bộ môn theo dõi quan tâm đến các học sinh là đối tượng hoà nhập. Nhà trường thông qua công tác chủ nhiệm luôn nhắc nhở học sinh không có thái độ kỳ thị và luôn giúp đỡ học sinh là đối tượng hoà nhập [H1-1.5-02].

Mức 2:

Thông qua các buổi sinh hoạt dưới cờ và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, nhà trường đã thường xuyên phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-06], [H1-1.10-07], [H1-1.10-08].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, nắm bắt các vấn đề về bạo lực học đường, an ninh trật tự. Khi phát hiện học sinh có mâu thuẫn đã kịp thời phối hợp với cha mẹ học sinh và các bên liên quan để hòa giải, xử lý kịp thời. Từ đó, đã ngăn chặn hiệu quả tình trạng bạo lực học đường và nguy cơ gây mất an ninh trật tự nhà trường [H1-1.10-09].

2. Điểm mạnh

Trường thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn trong trường học. Có sự phối hợp chặt chẽ và thường xuyên với chính quyền địa phương, lực lượng công an và dân quân tự vệ, cùng nhau bảo vệ an ninh trật tự

xung quanh trường.

Tình hình an toàn trật tự giao thông vào các giờ tan học cũng được đảm bảo.

Vận động mạnh thường quân góp phần bảo vệ trật tự an ninh trường bằng việc lắp camera trước và sau cổng trường để thuận lợi trong việc kiểm tra giám sát.

3. Điểm yếu

Do kinh phí hạn chế nên trang thiết bị của phòng y tế còn chưa đủ điều kiện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, nhà trường sẽ tiếp tục tăng cường phối hợp chặt chẽ với địa phương để đảm bảo vấn đề an ninh trật tự trong nhà trường và khu vực cổng trường.

Dựa theo nguồn kinh phí cho phép mỗi năm trường sẽ lần lượt trang bị thêm một số trang thiết bị cho phòng y tế để đảm bảo phục vụ tốt cho nhu cầu giáo viên và học sinh trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật

Chiến lược phát triển của trường làm cơ sở định hướng cho các kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục phù hợp với từng năm học.

Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải đã thực hiện khá tốt công tác tổ chức và quản lý nhà trường, Hội đồng trường và các hội đồng khác, Chi bộ Đảng, tổ chuyên môn và Tổ Văn phòng được thành lập và cơ cấu hoạt động đúng theo quy định.

Quy chế dân chủ cơ sở được xây dựng và thực hiện công khai, minh bạch.

Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có ý thức tự học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Nhà trường đã phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng trong công tác đảm bảo an toàn, an ninh trường học, phòng chống tai nạn thương tích, không có tệ nạn xã hội trong nhà trường. Công tác bảo vệ, phòng chống cháy nổ, dịch bệnh được nhà trường thực hiện nghiêm túc.

Điểm yếu cơ bản

Tuy nhiên, do kinh phí hạn hẹp, do chất lượng đầu vào, nên công tác quản lý giáo dục còn nhiều trở ngại.

Những năm học sau cố gắng quy hoạch số lớp, sĩ số học sinh trong lớp học đúng quy định

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/10

Tự đánh giá tiêu chuẩn 1: Đạt Mức 1

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu

Trong những năm qua, đội ngũ cán bộ - giáo viên - nhân viên của Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải không ngừng lớn mạnh cả về số lượng lẫn chất lượng. Là lực lượng nòng cốt quyết định đến sự phát triển của nhà trường.

Nhà trường có 100% cán bộ - giáo viên đạt chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Riêng đội ngũ cán bộ nhân viên được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Học sinh của trường đảm bảo về tuổi đúng theo quy định, thực hiện các nhiệm vụ và được đảm bảo các quyền theo quy định.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng có trình độ đào tạo, thời gian công tác đạt trình độ chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục [H2-2.1-01].

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đạt tiêu chuẩn về phẩm chất nghề nghiệp, quản trị nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục, phát triển mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường, xã hội, sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin. Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng trở lên [H2-2.1-02].

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đều là đảng viên đã qua các lớp trung cấp chính trị, quản lý giáo dục; Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định [H2-2.1-03].

Mức 2:

Từ năm học 2019-2020 đến nay Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn trở lên theo Quy định chuẩn hiệu trưởng (Thông tư 14/2018/TT- BGDDT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) [H2-2.1-02].

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định. Cụ thể Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có bằng trung cấp chính trị quản lý hành chính nhà nước. Hằng năm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường đều tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chính trị trong hè. Cuối năm học Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đều được giáo viên, nhân viên nhận xét, đánh giá quá trình công tác trong năm; kết quả bỏ phiếu tín nhiệm đều đạt tỉ lệ tín nhiệm từ 90% trở lên [H2-2.1-04].

Mức 3:

Trong giai đoạn được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt [H2-2.1-02]. Tuy nhiên trong các tiêu chí đánh giá hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng còn hạn chế tiêu chí quản lý hành chính. Việc thiết lập hồ sơ và thực hiện các quy trình quản lý nhà trường chưa đầy đủ theo hướng dẫn.

2. Điểm mạnh

Lãnh đạo nhà trường có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực quản lý tốt, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Nhiều năm liên tục, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá, xếp loại tốt chuẩn Hiệu trưởng theo Thông tư 14/2018/TT- BGDDT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Điểm yếu

Số lượng khối lượng công việc nhiều như thế nên thời gian để học tập nâng cao trình độ của cán bộ quản lý còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, lãnh đạo nhà trường tiếp tục học tập, bồi dưỡng để nâng cao hơn nữa trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Hiệu trưởng phân công các Phó Hiệu trưởng chịu trách nhiệm phụ trách từng mảng thật sự sâu sát kịp thời tiến hành giải quyết những vấn đề liên quan đến tất cả các hoạt động của trường. Có như thế mới đảm bảo toàn bộ hoạt động của nhà trường vận hành liên tục và có hiệu quả.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;*
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*
- c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

Nhà trường có số lượng và cơ cấu giáo viên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2017/TT/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H2-2.2-01], [H2-2.2-02].

Hằng năm, nhà trường phân công giáo viên giảng dạy cùng với kiêm nhiệm đảm bảo đúng chuyên môn và năng lực giáo viên, đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục [H1-1.7-03], [H1-1.7-04].

Cuối mỗi năm học, nhà trường có tổ chức đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo quy định tại Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết quả có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-03].

Mức 2:

Tính từ năm học 2014-2015 có 14 giáo viên có trình độ thạc sĩ, tỉ lệ giáo viên có trình độ thạc sĩ được duy trì ổn định và tăng dần. Đến năm học 2020-2021 có 26 giáo viên có trình độ thạc sĩ. Hằng năm, nhà trường có đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên. Kết quả trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-03].

Giáo viên có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh theo phân công của Hiệu trưởng. Hằng năm, giáo viên có hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-04], [H2-2.2-05].

Mức 3:

Hằng năm nhà trường có đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên. Kết quả chất lượng tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 75.86% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt [H2-2.2-03].

2. Điểm mạnh

Giáo viên nhà trường có tinh thần học hỏi cao, phẩm chất tốt, lối sống lành mạnh, nhiều nhiệt huyết trong giảng dạy học và phong trào đoàn thể.

3. Điểm yếu

Trang thiết bị hiện đại để đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học kỹ thuật cao còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục tạo điều kiện cho giáo viên học nâng cao trình độ, đổi mới phương pháp dạy học. Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn đề xuất trang bị cơ sở vật chất phục vụ việc nghiên cứu khoa học của học sinh. Đồng thời Hiệu trưởng chỉ đạo kế toán xây dựng kế hoạch mua sắm trang bị thiết bị công nghệ dạy – học từ năm học 2021-2022 tạo điều kiện cho giáo viên nâng cao chất lượng giảng dạy.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do

hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có nhân viên để đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công.

Nhân viên trong nhà trường được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo đúng chuyên môn và nghiệp vụ được đào tạo. Nhân viên có phẩm chất và sức khỏe tốt, phù hợp với môi trường sư phạm. [H1-1.7-03].

Đội ngũ nhân viên trong trường trong những năm qua đều hoàn thành các công tác được giao, được đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định của pháp luật hiện hành.

Mức 2:

Nhà trường tiếp nhận nhân viên theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Cụ thể nhà trường có 22 nhân viên phụ trách các công việc từng năm học [H2-2.3-01].

Từ năm học 2014-2015 đến năm học 2020-2021, nhà trường không có nhân

viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-02].

Mức 3:

Hầu hết nhân viên của trường đều có trình độ đào tạo theo quy định. Nhân viên kế toán, y tế, thư viện và thiết bị có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên theo chuyên môn được giao.

Trường luôn quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi cho nhân viên được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm mỗi khi có lớp cũng như có quyết định triệu tập [H2-2.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhân viên hỗ trợ tốt cho hoạt động giáo dục, được phân công công việc phù hợp đúng trình độ nghiệp vụ.

Nhân viên có phẩm chất và sức khỏe tốt, phù hợp với môi trường sư phạm.

3. Điểm yếu

Do nhân viên phải kiêm nhiệm nhiều việc nên chất lượng công việc bị ảnh hưởng ít nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, Hiệu trưởng sẽ bổ sung nhân viên có nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu vị trí công việc đang cần bổ sung nguồn nhân lực, để đáp ứng tốt nhiệm vụ và phát triển theo mô hình tiên tiến.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Học sinh của nhà trường đảm bảo đúng quy định về độ tuổi theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H1-1.5-01].

Học sinh của nhà trường thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường [H1-1.5-03]. Học sinh biết kính trọng cha mẹ, thầy cô giáo, cán bộ - giáo viên - nhân viên của nhà trường và những người lớn tuổi, đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập, thực hiện nội quy nhà trường và chấp hành pháp luật của nhà nước. Học sinh biết rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân. Học sinh được tham gia các hoạt động tập thể của nhà trường, của lớp, của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, tham gia các công tác xã hội như bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông. Học sinh có ý thức giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, nơi công cộng; xây dựng và phát huy truyền thống nhà trường [H2-2.4-01], [H2-2.4-02].

Học sinh được nhà trường đảm bảo các quyền như được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được tạo điều kiện về cơ sở vật chất, được cung cấp thông tin về việc học của mình, được sử dụng các trang thiết bị phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể thao. Học sinh được giáo dục kỹ năng sống. Học sinh được nhận học bổng và được hưởng chính sách xã hội [H2-2.4-03], [H2-2.4-04].

Mức 2:

Nhà trường phân công giáo viên chủ nhiệm, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ

Chí Minh thường xuyên theo dõi phát hiện kịp thời học sinh vi phạm các hành vi không được làm để kịp thời giáo dục và nhắc nhở học sinh. Có áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp để giúp học sinh tiến bộ. Tuy nhiên, vẫn còn một vài học sinh vi phạm nội quy, các quy định của nhà trường. Một số học sinh có điều kiện gia đình đặc biệt (chỉ sống với bố hoặc mẹ, hoặc không sống cùng bố mẹ...) nên phần nào thiếu sự quan tâm đúng mực từ phía gia đình, khiến việc hợp tác giáo dục giữa nhà trường và gia đình gặp khó khăn [H2-2.4-06].

Mức 3:

Hằng năm, cuối mỗi học kỳ nhà trường đều có khen thưởng cho học sinh có thành tích cao trong học tập, rèn luyện. Cụ thể, khen thưởng những học sinh đạt thành tích tốt trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp thành phố; học sinh đạt các danh hiệu học sinh giỏi, học sinh tiên tiến; học sinh đạt các thành tích tốt trong các phong trào thi đua do trường và các đoàn thể tổ chức phát động. Ngoài ra, nhà trường có bảng tuyên dương học sinh thành đạt cao của trường làm gương sáng để giáo dục, tác động tích cực đến học sinh [H2-2.4-05].

2. Điểm mạnh

Học sinh có đạo đức tốt, tinh thần đoàn kết và có tính kỷ luật cao. Quyền lợi học sinh được đảm bảo.

3. Điểm yếu

Một số học sinh có điều kiện gia đình đặc biệt (chỉ sống với bố hoặc mẹ, hoặc không sống cùng bố mẹ...) nên phần nào thiếu sự quan tâm đúng mực từ phía gia đình, khiến việc hợp tác giáo dục giữa nhà trường và gia đình gặp khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, nhà trường sẽ tăng cường hoạt động giáo dục ý thức tự quản trong học sinh.

Tổ chức bồi dưỡng giáo viên chủ nhiệm với các chuyên đề tập trung và phương pháp giáo dục phát huy tính tích cực và hội nhập cho học sinh.

Tăng cường công tác giáo viên chủ nhiệm bám sát lớp, tìm hiểu hoàn cảnh

gia đình của từng học sinh để có những biện pháp giáo dục thích hợp, kịp thời và đạt hiệu quả cao.

Vận động Cha mẹ học sinh tham gia hỗ trợ giáo dục khen thưởng học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật

Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải đạt tiêu chuẩn phẩm chất, chính trị đạo đức, lối sống và chuyên môn, có tinh thần học hỏi nâng cao trình độ. Nhà trường thực hiện tốt chế độ khen thưởng những học sinh có thành tích tốt trong học tập và rèn luyện.

Điểm yếu cơ bản

Tuy nhiên còn một số giáo viên hạn chế về năng lực tiếp cận và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy. Vẫn còn học sinh chưa có ý thức trong việc chấp hành nội quy của nhà trường, còn học sinh vi phạm quy chế thi, kiểm tra.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 4/4

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/4

Tự đánh giá tiêu chuẩn 2: đạt Mức 3

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải trong nội thành, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học của nhà trường được đầu tư khá đầy đủ để phục vụ hoạt động dạy học. Trường có khuôn viên rộng rãi sạch đẹp, khu sân chơi, bãi tập có thiết bị, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục khác.

Có đầy đủ các phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập, khối hành chính - quản trị đáp ứng tốt cho hoạt động của nhà trường.

Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước được đảm bảo, việc thu gom rác và

xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Ngoài ra, trường có tương đối đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường.

Nhà trường có thư viện đạt chuẩn và được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải có diện tích 8.955,80m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường có khuôn viên trường xanh, sạch đẹp với hàng cây trái dài từ cổng chính bao quát sân trường, có vườn sinh học, bồn hoa được cắt tỉa gọn gàng, có đặt ghế đá cho học sinh nghỉ ngơi, mát mẻ với diện tích 1.219,43m² [H3-3.1-01], [H3-3.1-02]. Tuy nhiên do trường gần khu thu

gom rác thải, nên mùi rác là một phiền toái và ảnh hưởng sức khỏe của cán bộ - giáo viên – nhân viên – học sinh lớn chưa được khắc phục đã nhiều năm.

Trường có hệ thống tường bao xung quanh, phía trước và hai bên xây bằng gạch, chiều cao khoảng 2,1m. Cổng trường xây dựng từ khi thành lập trường: Biển tên với đầy đủ thông tin đúng quy định tại khoản 3 điều 5 điều lệ trường có nhiều cấp. Dòng 1: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Dòng 2: Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Ở giữa: Ghi tên trường theo quy định. Dưới cùng: Địa chỉ, số điện thoại [H3-3.1-03].

Diện tích sân chơi 1738m², bình quân 0.9m²/học sinh. (Bảng vẽ điều chỉnh sân nền). Diện tích sân thể dục thể thao 1421.80m², bình quân 0.7m²/học sinh. Sân chơi, bãi tập đáp ứng nhu cầu thể thao: nhảy xa, cầu lông, bóng rổ, bóng chuyền, thể dục tay không [H3-3.1-04], [H3-3.1-05].

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập nhà trường rộng rãi, thông thoáng, được bê tông hóa sạch sẽ, đảm bảo đáp ứng tốt cho tổ chức các hoạt động giáo dục như tổ chức các ngày lễ, hội, chào cờ, thể dục giữa giờ, các hoạt động vui chơi, giải trí, văn nghệ, thể dục thể thao, cắm trại. Tuy nhiên, trường chưa có nhà đa năng nên khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động khi thời tiết xấu [H3-3.1-05].

Mức 3:

Tổng diện tích khuôn viên trường là 8955,80m² với tổng số học sinh thời điểm hiện tại của trường là 2.280 học sinh, bình quân diện tích trên mỗi học sinh là 3,92m², chưa đạt yêu cầu so với quy định ở vùng thị trấn 6m²/học sinh. Khu sân chơi, bãi tập nhà trường có diện tích hơn 3.300m², chiếm 40% tổng diện tích sử dụng của trường [H3-3.1-03].

2. Điểm mạnh

Trường có cổng trường, bảng tên trường đầy đủ theo quy định. Có khuôn viên riêng biệt, rộng rãi, thoáng mát nằm trên vị trí thuận lợi.

Có sân chơi, bãi tập, các bồn hoa, vườn sinh học, cây bóng mát cơ cấu hợp

lý đảm bảo xanh - sạch - đẹp an toàn, thân thiện phục vụ học sinh, giáo viên.

Diện tích sân chơi đặc biệt rộng đáp ứng nhu cầu vui chơi lành mạnh cho học sinh.

3. Điểm yếu

Sân thể dục cho một số bộ môn còn chưa đúng quy cách, tiêu chuẩn. Chưa đạt được yêu cầu diện tích dành cho hoạt động giáo dục, vui chơi của học sinh là ít nhất $6\text{m}^2/\text{học sinh}$.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, nhà trường phát huy và khai thác triệt để lợi thế về diện tích, khuôn viên trong quá trình dạy học, tổ chức các hoạt động và giờ chơi cho học sinh tạo sự thoải mái, đảm bảo sức khỏe, an toàn cho học sinh trong mọi hoạt động.

Hiệu trưởng giao Đoàn Thanh niên phối hợp với chi đoàn các lớp tham gia công trình thanh niên chăm sóc, kiến tạo cảnh quan nhà trường bằng hệ thống cây xanh thân thiện môi trường. Tiếp tục làm tốt công tác chăm sóc bồn hoa cây cảnh, tạo môi trường luôn sạch đẹp, thân thiện.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tâm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải có 58 phòng học, mỗi phòng có 24 bộ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh. Mỗi phòng đều có 01 bàn ghế của giáo viên, 01 bảng viết chống lóa, có quạt, đèn, cửa sổ, đủ điều kiện ánh sáng và thoáng mát. Nhà trường đủ số phòng để học 2 buổi/ ngày. Tuy nhiên vẫn có một số dãy phòng có vị trí gần nhà dân bị ảnh hưởng tiếng ồn và chói nắng [H3-3.2-01].

Nhà trường có đủ phòng học bộ môn theo quy định bao gồm: 01 phòng thí nghiệm Vật Lý, 01 phòng thực hành Hóa, 01 phòng thực hành Sinh, 01 phòng Công nghệ và 03 phòng Tin học. Các phòng được xây dựng và trang bị đạt chuẩn theo quy định, đảm bảo dạy học thực hành, thí nghiệm [H3-3.2-02].

Trường có văn phòng Đoàn để phục vụ cho hoạt động Đoàn, có 02 thư viện (01 thư viện giáo viên, 01 thư viện học sinh), trường chưa có phòng truyền thống.[H3-3.2-03].

Mức 2:

Các phòng học và phòng bộ môn của trường được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật hòa nhập.

Nhà trường có khôi phục vụ học tập gồm các phòng như phòng hoạt động Đoàn, thư viện và phòng truyền thống. Các phòng đáp ứng tốt yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định [H3-3.2-03].

Mức 3:

Các phòng học, phòng bộ môn của nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Nhà trường sử dụng văn phòng Đoàn để tổ chức tư vấn và các hoạt động giáo dục khác cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng học để dạy học 02 buổi/ngày cho tất cả học sinh.

Các phòng học, phòng bộ môn được xây dựng và trang bị thiết bị dạy học đạt chuẩn theo quy định.

Nhà trường có phòng hoạt động Đoàn, thư viện và phòng truyền thống để hỗ trợ tốt cho các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Một số dãy phòng có vị trí gần nhà dân bị ảnh hưởng tiếng ồn và chói nắng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục trang bị thêm thiết bị các phòng học bộ môn để phục vụ cho hoạt động dạy và học.

Vận động Cha mẹ học sinh của lớp may màn cửa che nắng và sử dụng cho 03 năm học tại trường. Kết hợp với chính quyền địa phương đảm bảo giữ cho học sinh và giáo viên môi trường dạy và học tốt nhất có thể.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3**Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị***Mức 1:*

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có các phòng đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động giáo dục theo quy định [H3-3.3-01].

Nhà trường có hệ thống nhà xe riêng biệt cho cán bộ giáo viên và học sinh. Xe của học sinh được sắp xếp gọn gàng thuận tiện cho việc gửi và lấy xe do bộ phận thầu xe quản lý. Khu vực nhà xe giáo viên được đặt vị trí bên trái từ ngoài cổng vào gần khu vực văn phòng, lợp tôn đảm bảo an toàn [H3-3.3-02].

Hằng năm nhà trường có tiến hành kiểm kê, qua đó, tiến hành sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị [H3-3.3-03], [H3-3.3-04].

Mức 2:

Khối phòng học tập và hành chính quản trị của trường đầy đủ theo quy định về trường trung học - yêu cầu thiết kế do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành [H3-3.3-04].

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ thiết bị như máy tính, máy in, bàn ghế, tủ hồ sơ, máy điều hòa và các vật dụng theo đặc thù của từng phòng. Tất cả được sắp xếp hợp lý khoa học hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường. [H3-3.3-03]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng học và một số phòng chức năng phục vụ cho quản

lý và đảm bảo quy định cho việc dạy và học được bố trí hợp lý và thuận lợi.

Cơ sở vật chất được trang bị tốt, đảm bảo chất lượng dạy học đạt hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

Chưa có hệ thống máy tính riêng dành cho giáo viên phục vụ công tác giảng dạy.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục sử dụng và phát huy tối đa các phòng chức năng và các trang thiết bị hiện có để phục vụ tốt công tác dạy học, quản lý, sinh hoạt của nhà trường.

Nhà trường xây dựng kế hoạch xin hỗ trợ nguồn kinh phí từ nhiều nguồn (Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, mạnh thường quân) để trang bị máy tính, máy chiếu phục vụ giảng dạy.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải

đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Có 04 dãy phòng học, ở mỗi đầu từng dãy có nhà vệ sinh nam nữ riêng biệt dành cho học sinh. Khu vực hành chính có khu vệ sinh riêng biệt nam, nữ dành cho giáo viên. Tất cả các khu vệ sinh được nhân viên phục vụ quét dọn hàng ngày, đảm bảo sạch sẽ, không gây ô nhiễm môi trường. Các khu vực vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập. Tuy nhiên, hiện nay do nhân viên phục vụ của nhà trường ít nên việc dọn dẹp đôi khi không kịp thời [H3-3.4-01].

Nhà trường được thiết kế xây dựng trên địa bàn trung tâm quận, có hệ thống thoát nước tốt, không ngập úng khi mưa to, đảm bảo vệ sinh môi trường. [H3-3.4-02]. Nhà trường sử dụng nước sinh hoạt do Công ty Cấp nước Thành phố Hồ Chí Minh cung ứng, đảm bảo sạch sẽ, an toàn. Ở hội trường, phòng giáo viên, các phòng hành chính và phòng y tế phục vụ nước uống tinh khiết cho giáo viên và học sinh. Hiện nay, nhà trường cũng khuyến khích các lớp mua nước khoáng dùng chung ở từng lớp để đảm bảo sức khỏe cho học sinh [H3-3.4-03], [H3-3.4-04].

Nhà trường có trang bị nhiều thùng chứa rác trong khuôn viên. Rác thải trong nhà trường hằng ngày được nhân viên tạp vụ và học sinh các lớp tập kết ở các thùng rác và được công ty thu gom rác thải đến thu gom, xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận nhỏ học sinh chưa có ý thức bỏ rác đúng nơi quy định nên hiện tượng xả rác vẫn còn diễn ra.

Mức 2:

Nhà trường có 15 công trình vệ sinh riêng bố trí tại các dãy lầu phân biệt nam và nữ học sinh, 08 công trình dành cho giáo viên nam và giáo viên nữ. Mỗi công trình đều có bể nước, bồn nước phục vụ vệ sinh cá nhân, khu vệ sinh nữ/nam có khu vực riêng biệt [H3-3.4-01].

Nhà trường có hệ thống giếng nước và nước thủy cục đáp ứng nhu cầu sử dụng, hệ thống thoát nước từ khu vệ sinh và sân trường đều được dẫn thoát ra hệ thống thoát nước công cộng không gây đọng nước hay bốc mùi. Nhà trường ký hợp đồng xử lý rác với công ty vệ sinh môi trường quận hàng ngày đảm bảo vệ sinh. Hiện nay ở mỗi lớp đều có trang bị bình nước sạch phục vụ nước uống cho học sinh. Khối văn phòng quản lý đều có trang bị hệ thống nước uống đảm bảo cho cán bộ - giáo viên - nhân viên [H3-3.4-02], [H3-3.4-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các công trình cần thiết đáp ứng nhu cầu hàng ngày của cán bộ - giáo viên - nhân viên, học sinh hoạt động tại trường, được đánh giá cao.

3. Điểm yếu

Do số lượng học sinh đông nên việc dọn dẹp đôi khi không kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ đầu năm học 2021-2022, nhà trường thực hiện lắp hệ thống rửa tay ngoài sân trường phục vụ học sinh.

Tổ trưởng văn phòng sắp xếp lịch làm việc và khu vực phụ trách của nhân viên phục vụ hợp lý hơn

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt

động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng phục vụ cho công tác quản lý, các hoạt động hành chính và phục vụ một số hoạt động của nhà trường. Nhà trường có máy chấm bài thi trắc nghiệm phục vụ các kỳ kiểm tra định kỳ tập trung tại trường.

Nhà trường có 04 phòng thực hành, thí nghiệm (Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ), mỗi phòng được trang bị một bộ máy vi tính và thiết bị dạy học bộ môn để thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin và thực hành, thí nghiệm; 03 phòng máy Tin học; 02 phòng thao giảng; dùng để dạy những tiết có ứng dụng công nghệ thông tin; 01 phòng công nghệ dạy ứng dụng STEM; 01 phòng thiết bị chứa đồ dùng dạy học chung của các môn từ lớp 10-12, cơ bản đáp ứng được yêu cầu tối thiểu giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh. Tuy nhiên, một số thiết bị có độ chính xác, độ bền chưa cao, dễ hỏng, dễ vỡ [H3-3.5-02], [H3-3.5-03],

Hằng năm trước ngày 31 tháng 12 nhà trường tiến hành kiểm kê, thanh lý, sửa chữa và bổ sung dụng cụ đầy đủ kịp thời vào năm học mới [H3-3.5-01].

Mức 2:

Hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối internet cáp quang, có trang bị Wifi tại khu vực nội bộ, các phòng học chức năng, khu vực phòng giáo viên và

phòng hội đồng, hệ thống internet của nhà trường đủ đáp ứng được yêu cầu nghiên cứu, khai thác tài liệu ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy và quản lý nhà trường [H3-3.5-03].

Nhà trường có 01 phòng thiết bị có các thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, đảm bảo chất lượng theo quy định: tranh, ảnh, bản đồ, Cassette, dụng cụ thể dục thể thao, tủ dụng cụ bộ môn Quốc phòng an ninh... [H3-3.5-03].

Đầu mỗi năm học, căn cứ vào kế hoạch và bản đề nghị của các tổ chuyên môn, lãnh đạo trường tổ chức mua sắm, bổ sung các thiết bị dạy học phục vụ công tác dạy và học. Ngoài ra, nhà trường còn phát động giáo viên tự làm các thiết bị dạy học. Tuy nhiên, thiết bị dạy học tự làm của giáo viên phần lớn là tranh, sơ đồ, bảng phụ đơn giản, chất lượng chưa cao [H3-3.5-03].

Mức 3:

Đầu mỗi năm học, căn cứ vào nội dung chương trình dạy học; phương pháp dạy học và danh mục thiết bị của nhà trường, giáo viên lập kế hoạch sử dụng thiết bị. Nhân viên quản lý thiết bị căn cứ kế hoạch sử dụng thiết bị dạy học của giáo viên sắp xếp, bố trí các thiết bị cần thiết để phục vụ. Tuy nhiên hiện nay trong nhà trường vẫn còn một bộ phận nhỏ giáo viên còn ngại khó, chưa tiếp cận tốt các thiết bị dạy học hiện đại như các phần mềm thí nghiệm ảo, bài giảng E-learning dẫn đến việc sử dụng thiết bị dạy học chưa đạt hiệu quả cao [H3-3.5-03].

2. Điểm mạnh

Có đầy đủ các thiết bị tối thiểu đảm bảo quy định tại Thông tư 15/2009/TT-BGDĐT.

Công tác kiểm tra, bổ sung, sửa chữa dụng cụ được duy trì thường xuyên và kịp thời.

3. Điểm yếu

Do số lượng học sinh từng năm thay đổi nên số lượng thiết bị bổ sung chưa kịp đáp ứng yêu cầu. Một số giáo viên lớn tuổi nên tiếp cận thiết bị công nghệ thông tin còn chậm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, Hiệu trưởng phân công Phó Hiệu trưởng chịu trách nhiệm quản lý cơ sở vật chất lập và thực hiện kế hoạch kiểm kê, bảo quản, bổ sung, mua mới thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập. Động viên các tổ chuyên môn tự làm bổ sung đồ dùng dạy học phục vụ công tác giảng dạy. Hiệu trưởng động viên giáo viên lớn tuổi cập nhật công nghệ thông tin.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có bố trí thư viện và trang bị đủ sách, báo, tạp chí, sách giáo khoa

tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học của giáo viên và các hoạt động khác của nhà trường [H3-3.6-01].

Vào cuối năm học có kiểm kê tài sản thư viện để xử lý kịp thời các loại sách bị rách, cập nhật bổ sung các tài liệu sách mới; thanh lý các loại sách hết hạn, rách, hỏng...Hàng năm thực hiện tốt công tác bảo quản, không để mối mọt, ẩm ướt, thất thoát, đảm bảo điều kiện an toàn về phòng chống cháy nổ. Sách báo thư viện được phân công theo mảng, có danh mục tài liệu, sách báo, có sổ quản lý. Đồng thời bổ sung sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, các văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng kịp thời nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh; có kế hoạch từng bước xây dựng thư viện điện tử [H3-3.6-02], [H3-3.6-03].

Thành lập tổ kiểm kê tài sản, trong đó, có tiến hành kiểm kê thư viện. Thư viện định kỳ được bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo [H3-3.6-04].

Mức 2:

Thư viện nhà trường được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh công nhận Thư viện đạt chuẩn “Thư viện trường học” hàng năm. [H3-3.6-05].

Mức 3:

Thư viện nhà trường chỉ được công nhận thư viện đạt chuẩn, chưa được công nhận thư viện trường học tiên tiến. Thư viện chỉ có 01 máy tính dành cho nhân viên thư viện làm việc, chưa có hệ thống máy tính được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ - giáo viên - nhân viên và học sinh [H3-3.6-06].

2. Điểm mạnh

Phòng thư viện sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, nhân viên thư viện có nghiệp vụ, bảo quản đầu sách hợp lý.

Có hồ sơ sổ sách theo quy định sắp xếp khoa học.

3. Điểm yếu

Nguồn kinh phí hạn hẹp nên việc đầu tư bổ sung sách báo hằng năm còn ít nên đôi khi không đáp ứng hết nhu cầu thông tin kiến thức cho học sinh, giáo viên, nhân viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, Hiệu trưởng lập kế hoạch xây dựng thư viện điện tử từng giai đoạn theo từng năm học với quy mô phục vụ cho việc học tập và tra cứu tài liệu cho học sinh và cán bộ - giáo viên - nhân viên. Bổ sung nhiều thể loại sách cho thư viện nhà trường, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên và học sinh tiếp cận với sách nhằm xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Điểm mạnh nổi bật

Trường có đầy đủ cổng trường, biển tên trường, tường rào, khu sân chơi, bãi tập,... Trường có đủ phòng học, khu để xe, khu vệ sinh, hệ thống công thoát nước, thư viện đạt chuẩn theo quy định. Hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối internet cáp quang.

Điểm yếu cơ bản

Tuy nhiên, nhà trường chưa có nhà tập thể thao đa năng. Thư viện chưa có hệ thống máy tính được kết nối Internet, hệ thống điều hòa do điều kiện kinh phí nhà trường còn hạn hẹp.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/6

Tự đánh giá tiêu chuẩn 3: đạt Mức 2

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải luôn chú trọng mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, có kế hoạch hoạt động theo năm học và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Bên cạnh đó, công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường để thực hiện kế hoạch giáo dục cũng được thực hiện tốt.

Nhà trường còn chú trọng tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục. Đồng thời, huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng*Mức 1:*

Danh sách Ban đại diện cha mẹ học sinh của mỗi lớp và nhà trường. Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh (trong văn kiện Đại hội cha mẹ học sinh). Báo cáo về hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh. (Trong văn kiện Đại hội cha mẹ học sinh). Biên bản các cuộc họp cha mẹ học sinh [H4-4.1-01], [H4-4.1-02], [H4-4.1-03], H4-4.1-04], H4-4.1-05].

Mỗi năm đến kỳ Đại hội, Ban đại diện cha mẹ học sinh đều xây dựng dự thảo báo cáo hoạt động của năm trước và kế hoạch hoạt động cho năm tiếp theo. Kế hoạch được sự đóng góp ý kiến của Ban đại diện cha mẹ học sinh và ban hành chính thức sau kỳ họp [H4-4.1-06], [H4-4.1-07].

Kế hoạch của Ban đại diện cha mẹ học sinh được triển khai thực hiện đúng tiến độ với sự phối hợp của lãnh đạo nhà trường và đội ngũ giáo viên chủ nhiệm các lớp. Mỗi năm học, nhà trường tổ chức ít nhất 03 kỳ họp cha mẹ học sinh để triển khai thực hiện kế hoạch đồng thời, trao đổi kết quả rèn luyện, học tập của học sinh, thông tin hai chiều giữa nhà trường và gia đình trong công tác giáo dục học sinh. Tuy nhiên, Còn một vài cha mẹ học sinh phải đi làm ăn xa gây khó khăn công tác phối hợp với giáo viên chủ nhiệm và nhà trường còn hạn chế [H4-4.1-08].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn nhiệt tình phối hợp nhịp nhàng và có hiệu quả với nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học thông qua việc hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động phong trào liên quan đến học sinh, quan tâm chăm lo cho học sinh nghèo, học sinh giỏi và đặc biệt là học sinh dự thi trung học phổ thông quốc gia hằng năm.

Ngoài ra, Ban đại diện cha mẹ học sinh cũng thường xuyên tham dự lễ khai giảng, sơ kết, tổng kết và phát biểu trong các buổi lễ nhằm tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh như tình trạng học sinh bỏ học, bạo lực học đường, an toàn giao thông, phòng chống ma túy, thực hiện công trình trao tặng phòng máy tính cho nhà trường phục vụ việc học tập của học sinh ... Đồng thời, khích lệ, động viên học sinh tiến bộ trong học tập. Tuy nhiên, công tác tuyên truyền còn gặp khó khăn do một số cha mẹ học sinh còn vắng họp thường xuyên [H4-4.1-05].

Mức 3:

Căn cứ vào Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, Ban đại diện cha mẹ học sinh đã thường xuyên phối hợp cùng nhà trường và các các đoàn thể chính trị xã hội khác thực hiện đúng, đủ các nhiệm vụ được quy định tại điều 5, 6 của Điều lệ ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-04].

2. Điểm mạnh

Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp và của trường có xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động đạt hiệu quả và đảm bảo vượt tiến độ công việc.

Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch vận động nguồn lực hỗ trợ, tạo nguồn kinh phí xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường mỗi năm học.

Hoạt động chăm lo cho học sinh nghèo hiếu học, học sinh giỏi hằng năm được Ban đại diện cha mẹ học sinh quan tâm và thực hiện tốt, góp phần cùng nhà trường hoàn thành mục tiêu “Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài” của nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số cha mẹ học sinh chưa thật sự quan tâm đến việc học của con em mình, chưa thường xuyên dự họp để nghe nhà trường trao đổi quá trình học tập của con em, chưa đóng góp ủng hộ xã hội hóa giáo dục nhà trường.

Còn một vài cha mẹ học sinh phải đi làm ăn xa ảnh hưởng đến công tác phối hợp giữa nhà trường với gia đình trong việc tuyên truyền chủ trương chính sách

giáo dục cũng như trong công tác giáo dục học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, căn cứ tình hình thực tế từng giai đoạn, Ban đại diện cha mẹ học sinh tiếp tục kiện toàn nhân sự, xây dựng kế hoạch hoạt động thiết thực để góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch năm học của nhà trường, nâng cao chất lượng giáo dục học sinh.

Ban đại diện cha mẹ học sinh tiếp tục tuyên truyền nâng cao nhận thức trong cha mẹ học sinh, phối hợp cùng giáo viên chủ nhiệm và nhà trường tăng cường liên hệ với cha mẹ học sinh đi làm xa để động viên, nhắc nhở gia đình chăm lo cho con em họ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình

văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền về kế hoạch giáo dục địa phương [H4-4.2-01], [H4-4.2-05].

b) Nhà trường đã phối hợp tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của trường: Hằng năm, nhà trường thực hiện việc tuyên truyền đến các ban ngành đoàn thể của địa phương các nội dung, kế hoạch thông qua các cuộc họp Chi bộ, lễ khai giảng, lễ tổng kết năm học, lễ 20/11 [H4-4.2-04]. Ngoài ra, nhà trường cũng đã ký kết với Công an Phường 05 Quận 11 trong việc gìn giữ an ninh trật tự trước cổng trường [H4-4.2-03]. Các tổ chức trong nhà trường phối hợp với Quận đoàn Quận 11 trong các chiến dịch Xuân tình nguyện, chiến dịch Hoa phượng Đỏ và trong công tác giáo dục phổ cập của địa phương [H4-4.2-07].

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định: Ban Đại diện cha mẹ học sinh hỗ trợ nhà trường khen thưởng học sinh giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc trong học tập, phong trào, hỗ trợ học phí cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Ngoài ra, hằng năm, nhà trường còn nhận được sự tài trợ của nhiều mạnh thường quân trong việc trao học bổng cho học sinh [H4-4.2-02]. Tuy nhiên, việc huy động nguồn lực tự nguyện, công tác xã hội hóa từ cha mẹ học sinh còn hạn chế do tình hình kinh tế tại địa phương, đời sống của người dân ở địa phương còn nhiều khó khăn.

Mức 2:

Sau Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 2015 – 2020, Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Đảng bộ quận và đặc điểm tình hình nhà trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường và tham mưu Ủy ban nhân dân Quận 11 phê duyệt và tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Dựa trên kế hoạch nhà trường xây dựng kỷ niệm các ngày lễ lớn vào đầu năm học, các văn bản chỉ đạo của cấp trên, nhà trường đã có sự phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường 05, Quận 11, Quận đoàn Quận 11, Ủy ban nhân dân Quận 11 để tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh. Đoàn trường đã tổ chức những cuộc thi để tìm hiểu, giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa cho học sinh như: Sử ca học đường, các cuộc thi online tìm hiểu về các ngày truyền thống. Trong chiến dịch tình nguyện Hoa phượng đỏ hằng năm học sinh được đến thăm hỏi những người có công với cách mạng, tổ chức sân chơi cho thiếu nhi tại địa phương và hỗ trợ một số công trình nhỏ tại các huyện ngoại thành. Tổ chức viếng thăm nghĩa trang liệt sĩ Thành phố vào dịp Tết Nguyên đán [H4-4.2-06], [H4-4.2-07]. Tuy nhiên còn số ít học sinh tham gia.

Mức 3:

Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải tọa lạc tại trung tâm Quận 11 nên nhiều hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao của trường đã thu hút nhiều người dân sự quan tâm và cổ vũ. Tuy nhiên trường vẫn chưa được công nhận là trung tâm văn hoá giáo dục của địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường tham mưu với chính quyền địa phương trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục, kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục cũng như mục tiêu,

nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường được thực hiện thường xuyên và đạt hiệu quả.

Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao.

3. Điểm yếu

Nhà trường vẫn chưa được công nhận là trung tâm văn hoá giáo dục của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, Hiệu trưởng nhà trường tiếp tục tăng cường công tác tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện có hiệu quả kế hoạch giáo dục và kế hoạch xây dựng và phát triển nhà trường.

Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh của trường sắp xếp thời gian để thực hiện tốt thăm trung tâm nuôi dưỡng trẻ khuyết tật mồ côi nhằm giúp học sinh phát triển tinh thần tương thân tương ái. Nhà trường sẽ cố gắng tham gia nhiều hoạt động văn hoá giáo dục địa phương để trở thành trung tâm văn hoá giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật

Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội được Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải thực hiện tốt. Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp và của trường được thành lập và hoạt động đúng quy định. Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động giáo dục góp phần hình thành lối sống văn hóa cộng đồng cho học sinh.

Điểm yếu cơ bản

Nhà trường vẫn chưa được công nhận là trung tâm văn hoá giáo dục của địa

phương.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/2

Tự đánh giá tiêu chuẩn 4: Đạt Mức 2

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu

Công tác chuyên môn là mối quan tâm hàng đầu của nhà trường, đó chính là thước đo quá trình xây dựng và phát triển thể hiện rõ nhất qua các hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục.

Những năm qua, nhà trường đã tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục, vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Nhà trường cũng đã xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện cũng như thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định.

Song song, các hoạt động trải nghiệm thực tế và hướng nghiệp cũng được chú trọng, qua đó hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh.

Hằng năm, kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh, tỷ lệ tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ngay từ đầu năm học, Hiệu trưởng đã dựa vào hướng dẫn nhiệm vụ năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, khung kế hoạch thời gian của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành để chỉ đạo các tổ chuyên môn thực hiện kế hoạch giảng dạy, giáo dục theo sự phân công, phân nhiệm của nhà trường về việc sử dụng cơ sở vật chất hiện có của nhà trường [H5-5.1-01], [H5-5.1-02]. Các tổ chuyên môn tiến hành xây dựng kế hoạch giáo dục chi tiết đảm bảo về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thời gian kết thúc học kỳ và kết thúc năm học, có đủ thời lượng dành cho luyện tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và kiểm tra định kỳ. Ngoài ra tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém [H5-5.1-03], [H5-5.1-04], [H5-5.1-05].

Cũng từ đầu năm, nhà trường triển khai nhiệm vụ giáo dục trung học. Theo đó, giáo viên tiếp tục đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh, bảo đảm cân đối giữa trang bị kiến thức, rèn luyện kỹ năng và định hướng thái độ, hành vi cho học sinh, đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục. Giáo viên cũng chú ý dạy phân hóa theo năng lực của học sinh dựa theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông và phù hợp với đối tượng học sinh và thực tế ở địa phương [H5-5.1-08]

Đồng thời nhà trường và các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch đổi mới phương pháp dạy học, bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Giáo viên chú ý xây dựng các câu hỏi trong quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá học sinh theo hướng mở nhằm yêu cầu học sinh biết vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. Cuối học kỳ nhà trường kiểm tra việc thực hiện kế hoạch cá nhân của giáo viên [H5-5.1-05], [H5-5.1-06].

Nhà trường ban hành kế hoạch chỉ đạo giáo viên kiểm tra, đánh giá học sinh theo hướng đổi mới như: đánh giá trong cả quá trình dạy học, kết hợp linh hoạt giữa hình thức trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan, xây dựng ma trận đề kiểm tra, biên soạn đề kiểm tra theo hướng tăng cường khả năng thông hiểu và vận dụng, đảm bảo mức độ nhận biết, đảm bảo giữa tỷ lệ nâng cao và cơ bản, tăng cường các câu hỏi mở [H5-5.1-05].

Mức 2:

Hằng tuần, giáo viên lên kế hoạch giảng dạy theo kế hoạch giáo dục đã được nhà trường phê duyệt, phê ký sổ ghi đầu bài đúng theo thực tế giảng dạy. Tổ/nhóm bộ môn chủ động sắp xếp lại nội dung dạy học của bộ môn trong chương trình sách giáo khoa hiện hành, có thể bổ sung, cập nhật những thông tin mới phù hợp với thực tế và đối tượng học sinh của nhà trường [H5-5.1-05].

Đầu năm học, tổ chức thi chọn vào đội tuyển học sinh giỏi khối 10, 11, 12 và tổ chức dạy bồi dưỡng, cuối năm học khảo sát, chọn lọc để tiếp tục dạy bồi dưỡng đi thi học sinh giỏi cụm, Olympic, học sinh giỏi thành phố. Tổ Giáo dục

thể chất – Giáo dục Quốc phòng và An ninh cũng phát hiện và tập luyện cho những học sinh có năng khiếu đi dự thi cấp thành phố, quốc gia và đã đạt thành tích đáng khích lệ [H5-5.1-10]. Giáo viên cũng chú ý kèm cặp, giúp đỡ học sinh yếu, kém nhằm thúc đẩy sự nỗ lực nơi học sinh, để học sinh tiến bộ hơn [H5-5.1-02].

Mức 3:

Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn, tổ trưởng chuyên môn thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch và việc thực hiện nội dung chương trình giảng dạy của giáo viên định kỳ, đột xuất.

Nhà trường tổ chức họp hội đồng chuyên môn 01 tháng 01 lần, tổ chức sơ kết - tổng kết cuối mỗi học kỳ, cuối năm.

Tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ 02 tuần 01 lần để rà soát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện hoạt động chuyên môn, các phong trào thi đua theo kế hoạch đã đề ra. Tuy nhiên, công tác rà soát đánh giá của tổ chuyên môn còn nặng về hành chính, chưa chuyên sâu về chuyên môn [H5-5.1-12].

2. Điểm mạnh

Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên hằng tháng của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng giúp giáo viên nâng cao hơn ý thức thực hiện theo đúng kế hoạch giảng dạy và học tập, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Nhà trường thực hiện tốt việc phát hiện bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu. Nhờ vậy, hằng năm, trường có nhiều học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp thành phố.

3. Điểm yếu

Hằng tháng tổ chuyên môn có rà soát, đánh giá kế hoạch. Tuy nhiên, việc đánh giá kế hoạch hằng tháng của các tổ chuyên môn còn nặng về hành chính, chưa đi sâu vào các giải pháp nâng cao chất lượng dạy học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Các tổ chuyên môn căn cứ kế hoạch chung của nhà trường xây dựng kế hoạch thật cụ thể, chi tiết và thường xuyên rà soát, phân tích, đánh giá, tập trung vào các giải pháp nâng cao chất lượng dạy học bộ môn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường và các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu thể dục thể thao ngay từ đầu năm học và phân công

giáo viên dạy bồi dưỡng, huấn luyện dựa trên năng lực chuyên môn và kinh nghiệm giảng dạy của giáo viên [H1-1.7-01]. Nhà trường cũng đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, phụ đạo phân hóa theo đối tượng học sinh, tạo điều kiện cho học sinh còn gặp khó khăn trong học tập theo kịp bạn bè [H1-1.8-01].

Nhà trường tổ chức dạy bồi dưỡng học sinh giỏi và huấn luyện học sinh có năng khiếu thể dục thể thao đúng theo kế hoạch ngay từ đầu năm học, giáo viên được phân công giảng dạy thực hiện đúng kế hoạch và ghi tiến độ thực hiện giảng dạy vào sổ đầu bài do nhà trường quy định. Đối với học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, nhà trường đã dạy học theo hướng phân hóa đối tượng, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn tăng cường giúp đỡ, giúp học sinh theo kịp bạn bè. Tuy nhiên, tỷ lệ học sinh yếu, kém về học lực, học sinh còn gặp khó khăn trong học tập hằng năm vẫn còn cao [H1-1.4-04], [H1-1.4-06].

Hằng năm, nhà trường tổ chức rà soát đánh giá công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu thông qua việc tổ chức thi tuyển chọn học sinh giỏi đối với lớp 10, 11 vào đội tuyển để tiếp tục bồi dưỡng trong năm học tiếp theo. Đối với lớp 12 chọn học sinh có thành tích cao vào đội tuyển dự thi học sinh giỏi cấp thành phố. Giáo viên được phân công phụ trách công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu đánh giá, đúc kết kinh nghiệm, giải pháp bồi dưỡng sao cho hiệu quả [H5-5.2-02]. Cuối mỗi năm học, các tổ chuyên môn và nhà trường đều rà soát hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện để rút kinh nghiệm cho năm học sau [H1-1.4-07].

Mức 2:

Bằng nhiều biện pháp và với sự nỗ lực của lãnh đạo nhà trường, các đoàn thể, đội ngũ thầy cô giáo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập đã được giúp đỡ và có điều kiện học tập tốt hơn [H5-5.1-02].

Mức 3:

Đội tuyển học sinh giỏi, học sinh năng khiếu của trường được bồi dưỡng, huấn luyện thường xuyên đúng kế hoạch và nhà trường luôn có học sinh đạt giải

trong kỳ thi học sinh giỏi, Hội khỏe Phù Đổng cấp thành phố. Tuy nhiên, số lượng, chất lượng giải chưa tương xứng với quy mô và tiềm năng nhà trường [H5-5.2-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn chú trọng công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Lãnh đạo nhà trường, các tổ chuyên môn và đội ngũ giáo viên có xây dựng kế hoạch và thường xuyên giám sát việc thực hiện kế hoạch.

Đội ngũ giáo viên được phân công bồi dưỡng, huấn luyện phát huy tốt tinh thần trách nhiệm, tận tâm trong thực hiện nhiệm vụ, có năng lực chuyên môn chuyên sâu, vững vàng.

Trong các kỳ thi học sinh giỏi, đội tuyển dự thi của trường luôn có học sinh đạt giải năm sau nhiều hơn năm trước.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện có giảm theo từng năm nhưng vẫn còn chậm. Nguyên nhân do thiếu sự quan tâm của cha mẹ, sự phối hợp giữa gia đình với giáo viên chủ nhiệm hiệu quả chưa cao.

Thành tích trong các kỳ thi học sinh giỏi, học sinh năng khiếu còn chưa cao, chưa tương xứng với sự quan tâm đầu tư của nhà trường đặc biệt ở môn tiếng Anh và các môn khoa học tự nhiên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, nhà trường và các tổ chuyên môn tiếp tục duy trì công tác phát hiện, tuyển chọn và bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu để đạt thành tích tốt hơn.

Nhà trường phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh và huy động nguồn lực từ các mạnh thường quân để có nguồn kinh phí khen thưởng xứng đáng cho

học sinh và giáo viên bồi dưỡng.

Hiệu trưởng tăng cường chỉ đạo công tác phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh nhằm giáo dục có hiệu quả, giúp đỡ đối tượng học sinh còn gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện theo kịp bạn bè.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;*
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;*
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.*

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thực hiện theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà trường đã chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục địa phương ngay từ đầu năm học, lồng ghép với kế hoạch giáo dục chung của các môn học Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý và Giáo dục công dân. Trên cơ sở đó, tổ trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch tổ, trong đó, hướng dẫn giáo viên thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo đúng kế hoạch đã được lãnh đạo nhà trường phê duyệt. Tuy nhiên, một số tiết học nội dung giáo dục địa phương còn gặp khó khăn do học sinh chưa có đủ tài liệu học tập. Các tổ chuyên môn cụ thể hóa kế hoạch giáo dục địa phương của nhà trường trong kế hoạch giáo dục môn học. [H5-5.3-01], [H5-5.3-02].

Hình thức đánh giá thực hiện thông qua bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa kỳ. Nhìn chung, chất lượng giáo dục địa phương được đánh giá đảm bảo khách quan và hiệu quả. Tuy nhiên, nhà trường chưa có điều kiện tổ chức nhiều buổi học tập, kiểm tra, đánh giá qua các tiết ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo cho học sinh tham gia [H5-5.3-03], [H5-5.3-04].

Hằng năm, nhà trường thực hiện việc tổ chức kiểm kê tài liệu giáo dục địa phương, hợp rà soát, kiểm tra, đánh giá nội dung giáo dục địa phương phù hợp với kế hoạch và mục tiêu giáo dục của nhà trường. Cuối năm, nhà trường đánh giá nội dung giáo dục địa phương để thực hiện tốt hơn ở năm học sau.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương của nhà trường bám sát tài liệu do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh biên soạn, có cập nhật các nội dung chọn lọc, phù hợp với thực tế của nhà trường, địa phương và vốn kiến thức hiểu biết thực tế của học sinh [H5-5.3-02].

2. Điểm mạnh

Hằng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch giáo dục địa phương riêng và hướng dẫn tổ chuyên môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân thực hiện.

Giáo viên thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo kế hoạch của nhà trường và bám sát nội dung, mục tiêu giáo dục địa phương theo chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Điểm yếu

Tài liệu phục vụ giáo dục địa phương của nhà trường chưa đủ về số lượng phục vụ cho học sinh. Nguyên nhân do tài liệu được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh phân phối, cấp nên còn hạn chế về số lượng.

Nhà trường chưa tổ chức được các tiết học ngoại khóa cho tất cả các học sinh phù hợp với nội dung giáo dục địa phương. Các tiết học chủ yếu thực hiện trên lớp thiếu sinh động, hiệu quả giáo dục chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, Hiệu trưởng có kế hoạch mua sắm, bổ sung thêm tài liệu giáo dục địa phương đủ về số lượng phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh.

Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, nhà trường phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh nhà trường và tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch tham quan học tập, ngoại khóa, tiết học ngoài nhà trường phù hợp với nội dung giáo dục địa phương.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường thông qua việc xây dựng kế hoạch tổ chức cuộc thi trải nghiệm sáng tạo [H5-5.4-02]. Bên cạnh đó, nhà trường cũng xây dựng kế hoạch công tác hướng nghiệp, dạy nghề phổ thông, các

hoạt động trải nghiệm thực hiện trong năm học [H1-5.4-01].

Bên cạnh đó, nhà trường cũng tổ chức giáo dục hướng nghiệp cho học sinh tại trường và đưa học sinh lớp 12 tham quan tư vấn tuyển sinh và trải nghiệm thực tế ở các trường Đại học, Cao đẳng [H5-5.4-03]. Ngoài ra, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh cũng đã tổ chức cho học sinh tham gia thăm trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật ở Củ Chi [H5-5.4-03]. Tuy nhiên, nhà trường chưa tổ chức được nhiều các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, nhất là ở phạm vi ngoài thành phố.

Nhà trường có phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp như phân công giáo viên phụ trách giáo dục hướng nghiệp [H5-5.4-02]. Tuy nhiên, một số giáo viên chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh nên còn lúng túng trong thực hiện nhiệm vụ.

Mức 2:

Nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với nhiều hình thức: Tổ chức giáo dục hướng nghiệp cho học sinh khối 10, 11, 12 theo nội dung, chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phối hợp với các trường Cao đẳng, Đại học về tư vấn hướng nghiệp cho học sinh, đưa học sinh tham quan thực tế các trường, các di tích lịch sử, cách mạng [H5-5.4-03], [H5-5.4-04]. Nhìn chung, các hoạt động có hình thức phong phú, phù hợp với học sinh và mang lại hiệu quả thiết thực. Tuy nhiên, vẫn còn một số học sinh chưa tham gia.

Cuối năm học, nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, đánh giá những việc làm tốt, những hạn chế để rút kinh nghiệm cho các năm học sau [H5-5.4-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường, phù hợp với học sinh. Các hoạt động này đã đem lại hiệu quả thiết thực và thật sự hấp dẫn

học sinh.

Hiệu trưởng có phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, phối hợp với các trường Cao đẳng, Đại học tư vấn hướng nghiệp cho học sinh và định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp hằng năm.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa tổ chức được nhiều hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, đặc biệt là ngoài địa bàn do số lượng học sinh của trường quá đông, di chuyển khó khăn phức tạp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo xây dựng và triển khai có hiệu quả hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong nhà trường theo hướng phù hợp với đặc thù của nhà trường và tạo được niềm vui, sự hứng thú và bổ ích cho học sinh.

Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tham mưu tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở các trường Đại học để học sinh có cơ hội tìm hiểu, làm quen với môi trường, tạo điều kiện thuận lợi khi học sinh vào Đại học.

Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, Hiệu trưởng có kế hoạch đưa giáo viên tham dự các lớp bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, khuyến khích giáo viên tự nghiên cứu về hoạt động này thông qua sách hoặc mạng internet. Đồng thời, triển khai rộng rãi đến học sinh, động viên học sinh tích cực tham gia.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ

năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhằm định hướng giáo dục học sinh hình thành và phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương. Bên cạnh đó, hằng năm, nhà trường ban hành kế hoạch giáo dục năm, đều có định hướng mục tiêu cần đạt trong công tác giáo dục kỹ năng sống cho học sinh [H5-5.5-01], [H5-5.5-02].

Thông qua các hoạt động giáo dục như hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học, các cuộc thi tìm hiểu Luật Giao thông, tham gia phòng chống tệ nạn xã hội, vẽ tranh,... học sinh trường đã có những chuyển biến tích cực trong rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật [H5-5.5-03], [H5-5.5-04].

Với sự quan tâm của đội ngũ lãnh đạo nhà trường và giáo viên trường, đạo

đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam. Tỷ lệ học sinh có hạnh kiểm khá, tốt hằng năm đều đạt trên 97% [H1-1.2-10]. Tuy nhiên vẫn còn xảy ra tình trạng học sinh lười học, vi phạm nội quy nhà trường, vi phạm quy chế thi, kiểm tra.

Mức 2:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh, giúp học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của bản thân, đồng thời biết đánh giá lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Riêng đối với đối tượng học sinh là đoàn viên, học sinh còn được triển khai thực hiện kế hoạch và chương trình rèn luyện đoàn viên trong thời kỳ mới [H5-5.5-04].

Nhà trường đã chú trọng dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh cùng với việc đẩy mạnh các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo. Nhờ vậy, học sinh có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Ngoài ra, học sinh từng bước hình thành và phát triển kỹ năng, sự tự tin trong giao tiếp thông qua các sân chơi dưới cờ: thi nhảy Flash mob, thi văn nghệ,... Học sinh biết cách tự bảo vệ mình, biết ứng phó trước những khó khăn, giảm rõ rệt các vụ việc bạo lực học đường,... [H5-5.5-04].

Mức 3:

Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2019-2020, nhà trường có tổ chức cuộc thi kỹ thuật cấp trường, thu hút học sinh tham gia nhằm bồi dưỡng và khơi dậy niềm đam mê nghiên cứu khoa học nơi học sinh, tạo điều kiện cho học sinh vận dụng các kiến thức học được vào thực tiễn cuộc sống, bước đầu hình thành khả năng nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn trực tiếp của các thầy cô giáo trong nhà trường [H5-5.5-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển

các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương.

Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục như cuộc thi tìm hiểu Luật giao thông, tham gia phòng chống tệ nạn xã hội,...

Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của bản thân và đánh giá lẫn nhau. Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

3. Điểm yếu

Vẫn còn tồn tại một số ít học sinh vi phạm luật giao thông.

Một số học sinh có ý thức tự học chưa cao, chưa nỗ lực trong học tập.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, Hiệu trưởng chỉ đạo quyết liệt hơn nữa công tác giáo dục kỹ năng sống cho học sinh: vừa đa dạng vừa thiết thực. Đẩy mạnh hơn nữa công tác giáo dục đạo đức, từng bước hình thành khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn thông qua các hoạt động phù hợp với điều kiện nhà trường.

Nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường, giáo viên và cha mẹ học sinh trong công tác giáo dục đạo đức, ý thức pháp luật.

Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch và phân công cụ thể nhiệm vụ của nhà trường và gia đình trong việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh đến từng giáo viên.

Bên cạnh đó, trường cũng tăng cường trao đổi thông tin giữa nhà trường và gia đình trong quá trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh; thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong quá trình giáo dục

kỹ năng sống cho học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

c) *Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

Mức 2:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*

b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;*

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Đầu mỗi năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch năm, có đề ra các chỉ tiêu phân đầu về học lực và hạnh kiểm. Đến cuối năm học, nhà trường rà soát, đánh

giá, thể hiện qua báo cáo tổng kết của nhà trường. Nhìn chung, kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh từng năm đều đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H5-5.6-01].

Trong 5 năm liên tục, tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đều vượt chỉ tiêu theo Nghị quyết của Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức và kế hoạch năm học của nhà trường [H5-5.6-01].

Đầu năm học, nhà trường xếp lớp theo nguyện vọng của học sinh 12 dựa theo năng lực, sở thích, định hướng nghề nghiệp. Theo đó, nhà trường phân phối thêm các tiết tự chọn theo nhóm môn học mà học sinh sẽ xét tuyển vào đại học, thực hiện dạy nghiêm túc môn Giáo dục hướng nghiệp, đặc biệt lưu ý đến học sinh khối 12. Phối hợp với các trường đại học, cao đẳng, trung cấp trong và ngoài thành phố tổ chức các buổi tư vấn hướng nghiệp cho học sinh khối 12. Lãnh đạo nhà trường và giáo viên cũng đã tư vấn cho học sinh và cha mẹ học sinh trong việc lựa chọn môn thi xét tuyển vào các ngành nghề phù hợp với năng lực và sở thích của học sinh.

Mức 2:

	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	3,98	4,12	3,80	5,30	7,22
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	44,65	44,37	40,97	40,66	44,36
Tỷ lệ học sinh xếp loại trung bình	47,60	47,56	48,51	48,99	44,49
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	3,77	3,95	6,72	5,05	3,93
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	77,98	79,50	78,51	86,74	84,51
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	20,06	18,40	20,13	12,37	11,95
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	1,96	2,1	1,36	0,89	3,54

Mức 3:

	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021
Tổng số học sinh/học sinh giỏi cấp thành phố	2468/18	2472/17	2465/21	2402/28	2359/29
Tổng số học sinh/học sinh giỏi quốc gia	0	0	0	0	0
Tỷ lệ chuyển cấp (hoặc thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng)	99,48%	99,74%	98,96%	99,60%	99,76%

2. Điểm mạnh

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh, tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Nhà trường thực hiện tốt việc định hướng, phân luồng học sinh đang học trong nhà trường và sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia.

Trong đó, tỷ lệ học sinh khá, giỏi, học sinh đỗ tốt nghiệp trung học phổ thông vượt khá cao so với tiêu chuẩn quy định.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ học sinh yếu kém có giảm nhưng bình quân 5 năm vẫn còn cao hơn so với quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá nhằm duy trì và nâng cao hơn nữa chất lượng học lực, hạnh kiểm, học sinh lên lớp và tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia.

Hiệu trưởng chỉ đạo tăng cường hơn nữa công tác dạy phụ đạo học sinh yếu, kém và công tác chủ nhiệm lớp để kịp thời giúp đỡ những học sinh yếu, kém, học

sinh có nguy cơ bỏ học vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Giáo viên chủ nhiệm tăng cường công tác phối hợp với cha mẹ học sinh, nhất là đối với những trường hợp học sinh có nguy cơ bỏ học, học sinh có học lực yếu, kém.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường thực hiện đầy đủ theo Quyết định ban hành khung thời gian năm học của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kế hoạch giảng dạy từng môn học theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Thực hiện tốt việc phát hiện bồi dưỡng học sinh giỏi, năng khiếu, thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo kế hoạch, tổ chức các hoạt động trải nghiệm

Điểm yếu cơ bản

Tuy nhiên, thành tích trong các kỳ thi học sinh giỏi, học sinh năng khiếu còn thấp.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/6

Tự đánh giá tiêu chuẩn 5: Đạt Mức 2

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Thực hiện chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải đã tổ chức thực hiện tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo, trên cơ sở đánh giá hiện trạng của nhà trường trong giai đoạn 2015 – 2020.

Sau thời gian làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, công tác tự đánh giá của nhà trường về cơ bản đã hoàn thành. Đây là sự kiện đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp phát triển giáo dục của nhà trường, của địa phương, là điều kiện để nhà trường đăng ký kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục trong năm học 2021-2022.

Báo cáo tự đánh giá của Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải được hoàn thành phản ánh kết quả toàn diện các mặt hoạt động của nhà trường, giúp nhà trường đánh giá công tác quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục. Trên cơ sở tự đánh giá chất lượng giáo dục, báo cáo này sẽ được sử dụng như một công cụ để cải tiến và nâng cao chất lượng quản lý và giáo dục của nhà trường.

Báo cáo tự đánh giá đã được các thành viên Hội đồng tự đánh giá thông qua với kết quả nhất trí 100%, đồng thời cũng được Hội đồng trường thông qua. Kết quả tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục đã cho thấy được sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của nhà trường trong 05 năm qua. Hoạt động chuyên môn, nề nếp dạy và học, hiệu suất đào tạo, duy trì sĩ số học sinh đã có những chuyển biến tích cực, rõ nét; cơ sở vật chất, trường lớp khang trang, sạch đẹp hơn, nhất là công tác an toàn trường học luôn được bảo đảm.

Căn cứ bộ Tiêu chuẩn đánh giá trường trung học ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo, Hội đồng tự đánh giá Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải đã đánh giá đủ 5 tiêu chuẩn, 28 tiêu chí, ở 3 mức.

Kết quả tự đánh giá như sau:

Mức 1:

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 28/28 tỷ lệ: 100%
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 1: 0/28 tỷ lệ: 0%

Mức 2:

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 24/28 tỷ lệ: 85,71%
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 2: 4/28 tỷ lệ: 14,29%

Mức 3:

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 14/22 tỷ lệ: 63,63%
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 3: 08/22 tỷ lệ: 36,37%

Tập thể nhà trường không ngừng vươn lên để đáp ứng yêu cầu công tác ngày càng đòi hỏi cao hơn. Công tác tự học, tự bồi dưỡng được cán bộ quản lý nhà trường và giáo viên quan tâm đúng mức. Đội ngũ nhân sự đạt chuẩn về trình độ.

Các tổ chức, đoàn thể, các tổ chuyên môn của trường hoạt động có hiệu quả, hằng năm đều được công nhận vững mạnh, xuất sắc. Công tác phối kết hợp với các đoàn thể trong nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh để hỗ trợ nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học được thực hiện nhịp nhàng, hiệu quả, góp phần hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ của nhà trường.

Cơ sở vật chất nhà trường được tu sửa, bổ sung hằng năm, tạo điều kiện tốt nhất cho công tác dạy học và các hoạt động giáo dục khác.

Nhà trường đã có nhiều nỗ lực đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá học sinh. Đặc biệt, chú trọng công tác giáo dục kỹ năng sống, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống...

Tuy nhiên, trường vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần có kế hoạch cải tiến như: Thư viện nhà trường chưa được công nhận thư viện tiên tiến.

Căn cứ kết quả tự đánh giá, nhà trường sẽ triển khai thực hiện các biện pháp

cải tiến chất lượng nhằm khắc phục những hạn chế, tồn tại, những điểm yếu và nhất là đối với những chỉ báo, những tiêu chí chưa đạt ở mức 2, 3. Đồng thời tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động trong nhà trường nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục phổ thông và sự kỳ vọng của cha mẹ học sinh, của xã hội dành cho nhà trường.

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục là Mức 1.

Nhà trường đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Mức độ 1.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

HIỆU TRƯỞNG

Đặng Thị Thúy Ái

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
TRẦN QUANG KHẢI

Phụ lục Báo cáo tự đánh giá
về kiểm định chất lượng giáo dục

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2021

Phần IV: PHỤ LỤC
BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Văn bản Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cấp có thẩm quyền phê duyệt	16/TQK-2020 ngày 19/02/2020	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quận 11 lần thứ XI nhiệm kì 2020-2025 về phát triển	13/08/2020	Đảng bộ Quận 11	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
			kinh tế - xã hội Quận 11			
	3	[H1-1.1-03]	Đường dẫn truy cập cổng thông tin điện tử của trường	https://thpttranquangkhai.hcm.edu.vn	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Trang Web
	4	[H1-1.1-04]	Các báo cáo sơ kết, tổng kết từng năm học (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Văn thư
	5	[H1-1.1-05]	Báo cáo sơ kết kết quả thực hiện chiến lược	17/BC-TQK ngày 18/6/2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập hội đồng trường	1739-47/QĐ-GDDT-TC ngày 31/12/2013 2484/QĐ-GDDT-TC ngày	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	Phòng Văn thư

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				20/9/2019		
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập hội đồng thi đua - khen thưởng (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Văn thư
	3	[H1-1.2-03]	Quyết định thành lập hội đồng sáng kiến (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Công đoàn
	4	[H1-1.2-04]	Quyết định thành lập hội khuyến học	97/QĐ-HKH ngày 28/12/2018	Hội khuyến học Quận 11	Phòng Công đoàn
	5	[H1-1.2-05]	Quyết định thành lập hội đồng nâng lương (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Văn thư
	6	[H1-1.2-06]	Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh	Từ năm học 2016-2017	Trường trung học	Phòng Văn thư

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
			10 (hàng năm)	đến năm học 2020-2021	phổ thông Trần Quang Khải	
	7					
	8	[H1-1.2-07]	Quy chế hoạt động của Hội đồng trường (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Hiệu trưởng
	9	[H1-1.2-08]	Sổ biên bản họp của nhà trường (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Văn thư
	10	[H1-1.2-09]	Hồ sơ thi đua cuối năm (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Công đoàn
		[H1-1.2-10]	Kế hoạch hoạt động của Hội đồng trường	Từ năm học 2016-2017	Trường trung học	Phòng Hiệu

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
			(hàng năm)	đến năm học 2020-2021	phổ thông Trần Quang Khải	trường
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Quyết định chuẩn y BCH Công Đoàn	Nhiệm kỳ 2018-2022	Công Đoàn Ngành	Phòng Công đoàn
	2	[H1-1.3-02]	Quyết định chuẩn y Ban chấp hành Đoàn thanh niên (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	BCH Đoàn Quận 11	Phòng Đoàn trường
	3	[H1-1.3-03]	Kế hoạch hoạt động Công đoàn (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	BCH Công Đoàn	Phòng Công đoàn
	4	[H1-1.3-04]	Kế hoạch hoạt động Đoàn thanh niên (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	BCH ĐTNCS Hồ Chí Minh	Phòng Đoàn trường
	5	[H1-1.3-05]	Sổ nghị quyết của Công đoàn (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	BCH Công Đoàn	Phòng Công đoàn

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	6	[H1-1.3-06]	Sổ nghị quyết của Đoàn thanh niên (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	BCH ĐTNCS Hồ Chí Minh	Phòng Đoàn trường
	7	[H1-1.3-07]	Báo cáo tổng kết hoạt động Công đoàn cuối năm (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	BCH Công Đoàn	Phòng Công đoàn
	8	[H1-1.3-08]	Báo cáo tổng kết hoạt động Đoàn thanh niên cuối năm (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	BCH ĐTNCS Hồ Chí Minh	Phòng Công đoàn
	9	[H1-1.3-09]	Quyết định thành lập Chi bộ Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	864-QĐ/HU ngày 29/8/2003	Đảng bộ Quận 11	Phòng Hiệu trưởng
	10	[H1-1.3-10]	Sổ nghị quyết Chi bộ (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Chi bộ Trường	Phòng Hiệu trưởng
	10	[H1-1.3-11]	Văn bản xếp loại Chi bộ cuối năm của ủy (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Đảng bộ Quận 11	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng	123/QĐ-GDĐT-TC ngày 16/01/2019	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định tái bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng (02 quyết định của 2 Phó Hiệu trưởng)	1111/QĐ-GDĐT-TC ngày 23/6/2020 495/QĐ-SGDĐT ngày 26/02/2021	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	Phòng Phó hiệu trưởng
	3	[H1-1.4-03]	Quyết định phân công các tổ trưởng, tổ phó (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Hiệu trưởng Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Văn thư
	4	[H1-1.4-04]	Kế hoạch hoạt động các tổ chuyên môn (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Tổ trưởng chuyên môn Trường trung học phổ thông Trần	Phòng Phó hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
					Quang Khải	
	5	[H1-1.4-05]	Kế hoạch hoạt động tổ văn phòng (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Tổ Trưởng Văn phòng Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Phó hiệu trưởng
	6	[H1-1.4-06]	Kế hoạch dạy học chuyên đề của các tổ chuyên môn (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Phó Hiệu trưởng Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Phó hiệu trưởng
	7	[H1-1.4-07]	Sổ sinh hoạt của các tổ chuyên môn (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Tổ trưởng chuyên môn Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Văn thư

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	8	[H1-1.4-08]	Sổ sinh hoạt của tổ văn phòng (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Tổ trụ ởng tổ Văn phòng Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Văn thư
	9	[H1-1.4-09]	Hình ảnh học sinh tham gia các chuyên đề của tổ chuyên môn (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Đoàn trường
	10	[H1-1.4-10]	Thống kê kết quả học lực và hạnh kiểm 5 năm gần đây (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Sổ đăng bộ (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Học vụ

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	2	[H1-1.5-02]	Sổ chủ nhiệm (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Học vụ
	3	[H1-1.5-03]	Sổ gọi tên và ghi điểm (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Học vụ
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Sổ quản lí và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi và đến (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Văn thư
	2	[H1-1.6-02]	Dự toán (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Kế toán
	3	[H1-1.6-03]	Văn bản lưu công khai tài chính đã niêm	Từ năm học 2016-2017	Kế toán Trường	Phòng Kế toán

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
			yết (hàng năm)	đến năm học 2020-2021	trung học phổ thông Trần Quang Khải	
	4	[H1-1.6-04]	Báo cáo tài chính trong hội nghị cán bộ, công chức, viên chức (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Kế toán Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Kế toán
	5	[H1-1.6-05]	Quy chế chi tiêu nội bộ điều chỉnh (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Kế toán
	6	[H1-1.6-06]	Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường Ban Thanh tra nhân dân Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Công đoàn
	7	[H1-1.6-07]	Hình ảnh khối hành chính - quản trị	Từ năm học 2016-2017	Trường trung học	Phòng Đoàn

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				đến năm học 2020-2021	phổ thông Trần Quang Khải	trường
	8	[H1-1.6-08]	Biên bản kiểm tra tài chính của cấp trên (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	Phòng Kế toán
	9	[H1-1.6-09]	Các hợp đồng cung cấp phần mềm (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Kế toán
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch năm học (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Văn thư
	2	[H1-1.7-02]	Danh sách cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia bồi dưỡng chính trị, chuyên	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần	Phòng Văn thư

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
			môn, nghiệp vụ trong những năm gần đây. (hàng năm)		Quang Khải	
	3	[H1-1.7-03]	Quy chế làm việc của cơ quan (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Văn thư
	4	[H1-1.7-04]	Danh sách phân công cán bộ, giáo viên, nhân viên trường (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Hiệu trưởng
		[H1-1.7-05]	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ của cán bộ quản lý	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Văn thư
		[H1-1.7-06]	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ của giáo viên, giáo viên	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần	Phòng Văn thư

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
			của nhiệm		Quang Khải	
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục (hằng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Phó hiệu trưởng
	2	[H1-1.8-02]	Kế hoạch kiểm tra nội bộ (hằng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H1-1.8-03]	Kết quả thi đua (hằng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	Phòng Hiệu trưởng
	4	[H1-1.8-04]	Sổ đầu bài (hằng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Học vụ

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	5	[H1-1.8-05]	Biên bản kiểm tra sổ đầu bài (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Phó hiệu trưởng
	6	[H1-1.8-06]	Hình ảnh các hoạt động giáo dục của nhà trường	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Biên bản hội nghị cán bộ công chức, viên chức (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Công đoàn
	2	[H1-1.9-02]	Quy chế dân chủ cơ sở (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Công đoàn
	3	[H1-1.9-03]	Báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ	Từ năm học 2016-2017	Trường trung học	Phòng Công

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
			cơ sở (hàng năm)	đến năm học 2020-2021	phổ thông Trần Quang Khải	đoàn
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự nhà trường (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Công đoàn
	2	[H1-1.10-02]	Phương án phối hợp với trạm y tế trong việc phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Y tế
	3	[H1-1.10-03]	Kế hoạch phòng chống tai nạn, thương tích (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Văn thư
	4	[H1-1.10-04]	Phương án phòng cháy, chữa cháy (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Văn thư

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
					Quang Khải	
	5	[H1-1.10-05]	Hộp thư góp ý	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Đoàn trường
	6	[H1-1.10-06]	Đánh giá, xếp loại công tác y tế học đường của cấp trên	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Y tế Quận 11	Phòng Y tế
	7	[H1-1.10-07]	Nội dung tuyên truyền pháp luật của Tổ Giáo dục công dân (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Giáo viên bộ môn Giáo dục công dân Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Phó hiệu trưởng
	8	[H1-1.10-08]	Kế hoạch giáo dục ngoài giờ lên lớp (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần	Phòng Phó hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 2.1					Quang Khải	
	9	[H1-1.10-09]	Sổ theo dõi kỷ luật học sinh của tổ giám thị (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Bộ phận giám thị Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Giám thị
	1	[H2-2.1-01]	Lý lịch 2c của Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H2-2.1-02]	Kết quả đánh giá, xếp loại chuẩn Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H2-2.1-03]	Giấy chứng nhận kết quả các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	4	[H2-2.1-04]	Biên bản họp đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng cuối năm (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Bảng phân công giảng dạy của nhà trường (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H2-2.2-02]	Danh sách cán bộ, giáo viên, nhân viên có thông tin về trình độ đào tạo (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Văn thư, TEMIS
	3	[H2-2.2-03]	Bảng tổng hợp đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Hiệu trưởng, TEMIS
	4	[H2-2.2-04]	Kế hoạch trải nghiệm, hướng nghiệp	Từ năm học 2016-2017	Trường trung học	Phòng Đoàn

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
			(hàng năm)	đến năm học 2020-2021	phổ thông Trần Quang Khải	trường
	5	[H2-2.2-05]	Kế hoạch hoạt động của các câu lạc bộ (hàng năm)	Năm học 2018-2019	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Đoàn trường
	6	[H2-2.2-06]	Danh sách giáo viên được công nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp thành phố (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Danh sách nhân viên nhà trường (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Văn thư
	2	[H2-2.3-02]	Kết quả thi đua cuối năm của tổ văn phòng (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần	Phòng Văn thư

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
					Quang Khải	
	3	[H2-2.3-03]	Danh sách nhân viên cử đi học bồi dưỡng (hằng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Văn thư
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Hình ảnh học sinh tập thể dục, tham gia các hoạt động của trường lớp, làm vệ sinh trường lớp và nơi công cộng....	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Đoàn trường
	2	[H2-2.4-02]	Hình ảnh học sinh tham gia các chuyên đề giáo dục kỹ năng sống	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Đoàn trường
	3	[H2-2.4-03]	Danh sách học sinh nhận học bổng (hằng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Văn thư

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	4	[H2-2.4-04]	Danh sách học sinh diện chính sách được miễn giảm học phí (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Kế toán
	5	[H2-2.4-05]	Quyết định khen thưởng học sinh giỏi, tiên tiến (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Văn thư
	6	[H2-2.4-06]	Biên bản xử lý học sinh vi phạm. (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Giám thị
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất của nhà trường	CT 29948 ngày 31/12/2013	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H3-3.1-02]	Hồ sơ thiết kế xây dựng của nhà trường	Năm 2003	Trường trung học phổ thông Trần	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
					Quang Khải	
	3	[H3-3.1-03]	Hình ảnh khuôn viên nhà trường	Tháng 11 năm 2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Văn thư
	4	[H3-3.1-04]	Hình ảnh khu sân chơi, bãi tập	Tháng 11 năm 2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Văn thư
	5	[H3-3.1-05]	Hình ảnh khu vực luyện tập, thi đấu thể dục thể thao	Tháng 11 năm 2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Văn thư
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Hình ảnh các phòng học	Tháng 11 năm 2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Văn thư

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	2	[H3-3.2-02]	Hình ảnh phòng thực hành Vật Lý, Hóa học, Sinh học, Công Nghệ, Lab, Tin học	Tháng 11 năm 2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Văn thư
	3	[H3-3.2-03]	Hình ảnh thư viện, phòng Đoàn, phòng truyền thống, nhà thi đấu.	Tháng 11 năm 2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Đoàn trường
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Hình ảnh phòng giáo viên, hội trường, phòng họp, phòng nghỉ giáo viên.	Tháng 11 năm 2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Văn thư
	2	[H3-3.3-02]	Hình ảnh khu nhà xe giáo viên, học sinh.	Tháng 11 năm 2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Văn thư
	3	[H3-3.3-03]	Kế hoạch sửa chữa, bổ sung các thiết bị	Từ năm học 2016-2017	Trường trung học	Phòng Kế toán

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 3.4			khối hành chánh - quản trị (hằng năm)	đến năm học 2020-2021	phổ thông Trần Quang Khải	
	4	[H3-3.3-04]	Sổ quản lí tài sản, thiết bị giáo dục (hằng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Thiết bị
	1	[H3-3.4-01]	Hình ảnh khu nhà vệ sinh	Tháng 11 năm 2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Văn thư
Tiêu chí 3.4	2	[H3-3.4-02]	Biên bản kiểm tra của cơ quan y tế về nước sạch	Năm học 2018-2019	Phòng y tế	Phòng Y tế
	3	[H3-3.4-03]	Hợp đồng thu gom và vận chuyển rác (hằng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Kế toán

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	4	[H3-3.4-04]	Hợp đồng cung cấp nước uống của giáo viên và học sinh (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Kế toán
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Kế hoạch kiểm tra tài sản (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Phó hiệu trưởng
	2	[H3-3.5-02]	Hợp đồng kết nối mạng Internet (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Kế toán
	3	[H3-3.5-03]	Danh mục thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Thư viện
Tiêu	1	[H3-3.6-01]	Hồ sơ quản lý thư viện (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017	Trường trung học	Phòng Thư

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
chí 3.6				đến năm học 2020-2021	phổ thông Trần Quang Khải	viện
	2	[H3-3.6-02]	Kế hoạch hoạt động của thư viện trong năm học	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Thư viện Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Thư viện
	3	[H3-3.6-03]	Kế hoạch tổ chức cho giáo viên, học sinh đọc sách, tra cứu tài liệu	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Thư viện Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Thư viện
	4	[H3-3.6-04]	Danh mục sách bổ sung trong năm học (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Thư viện Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Thư viện
	5	[H3-3.6-05]	Kết quả đánh giá, xếp loại của thư viện cuối năm (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần	Phòng Thư viện

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
					Quang Khải	
	6	[H3-3.6-06]	Biên bản kiểm tra thư viện (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Thư viện Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Thư viện
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Văn bản thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh cấp trường (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Văn thư
	2	[H4-4.1-02]	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Ban đại diện CMHS Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H4-4.1-03]	Biên bản làm việc của Lãnh đạo nhà trường với Ban đại diện cha mẹ học sinh	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
			(hằng năm)		Quang Khải	
	4	[H4-4.1-04]	Báo cáo quỹ tài chính của quỹ cha mẹ học sinh. (hằng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Ban đại diện CMHS Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Kế toán
	5	[H4-4.1-05]	Biên bản họp cha mẹ học sinh các lớp (hằng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Văn thư
	6	[H4-4.1-06]	Nghị quyết đại hội Cha mẹ học sinh (hằng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Ban đại diện CMHS Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Hiệu trưởng
	7	[H4-4.1-07]	Biên bản đại hội Cha mẹ học sinh (hằng năm)	Từ năm học 2016-2017	Trường trung học	Phòng Hiệu

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 4.2			năm)	đến năm học 2020-2021	phổ thông Trần Quang Khải	trưởng
	8	[H4-4.1-08]	Kế hoạch hoạt động Ban đại diện Cha mẹ học sinh (hằng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Ban đại diện CMHS Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Hiệu trưởng
	1	[H4-4.2-01]	Tổng hợp báo cáo theo dõi tình hình học sinh chuyển đến, chuyển đi từng học kỳ (hằng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng giám thị
	2	[H4-4.2-02]	Hình ảnh trao học bổng tại trường (hằng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Văn thư
	3	[H4-4.2-03]	Công văn làm việc với công an về việc	Từ năm học 2016-2017	Trường trung học	Phòng Hiệu

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
			bảo vệ an ninh trật tự trước cổng trường	đến năm học 2020-2021	phổ thông Trần Quang Khải	trường
	4	[H4-4.2-04]	Kế hoạch tổ chức lễ khai giảng, tổng kết năm học, lễ 20/11 (hằng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Đoàn trường
	5	[H4-4.2-05]	Báo cáo công tác giáo dục phổ cập (hằng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Phó hiệu trưởng
	6	[H4-4.2-06]	Hình ảnh các buổi lễ kỷ niệm (hằng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Đoàn trường
	7	[H4-4.2-07]	Hình ảnh phối hợp tổ chức các hoạt động với các đoàn thể (hằng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Đoàn trường

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
					Quang Khải	
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Sổ quản lý đăng ký sử dụng phòng nghe nhìn (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Thiết bị
		[H5-5.1-02]	Hình ảnh các phòng chức năng	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Thiết bị
	2	[H5-5.1-03]	Kế hoạch phụ đạo học sinh yếu kém (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Phó hiệu trưởng
	3	[H5-5.1-04]	Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, Olympic, học sinh có năng khiếu (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Phó hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	4	[H5-5.1-05]	Danh sách giáo viên dạy bồi dưỡng học sinh giỏi, Olympic (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Phó hiệu trưởng
	5	[H5-5.1-06]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Hiệu trưởng
	6	[H5-5.1-07]	Sổ dự giờ của giáo viên (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Học vụ
	7	[H5-5.1-08]	Báo cáo sơ kết các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Phó hiệu trưởng
	8	[H5-5.1-09]	Hình ảnh các hoạt động trải nghiệm,	Từ năm học 2016-2017	Trường trung học	Phòng Văn thư

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
			hướng nghiệp, mô hình, sản phẩm ứng dụng	đến năm học 2020-2021	phổ thông Trần Quang Khải	
	9	[H5-5.1-10]	Báo cáo kết quả phụ đạo học sinh yếu kém bộ môn (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Phó hiệu trưởng
	10	[H5-5.1-11]	Danh sách học sinh đạt giải thể dục thể thao, học sinh giỏi thành phố, học sinh đạt huy chương Olympic (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Phó hiệu trưởng
		[H5-5.1-12]	Hình ảnh sinh hoạt chuyên đề của tổ chuyên môn	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Phó hiệu trưởng
Tiêu chí	1	[H5-5.2-01]	Kế hoạch bồi dưỡng và tham gia hoạt động thể dục thể thao, hội khỏe Phù	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần	Phòng Phó hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
5.2			Đồng cấp Quận, cấp Thành phố (hàng năm)		Quang Khải	
	2	[H5-5.2-02]	Kế hoạch về kỳ thi học sinh giỏi giải toán trên máy tính cầm tay cấp Thành phố (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Nội dung giáo dục địa phương (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Phó hiệu trưởng
	2	[H5-5.3-02]	Tài liệu giảng dạy giáo dục địa phương (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Phó hiệu trưởng
	3	[H5-5.3-03]	Báo cáo kết quả giáo dục địa phương (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Phó hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
					Quang Khải	
	4	[H5-5.3-04]	Bài thu hoạch giáo dục địa phương của học sinh (hằng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Giáo viên tổ chuyên môn Lịch sử
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Kế hoạch tổ chức dạy nghề (hằng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Phó hiệu trưởng
	2	[H5-5.4-02]	Danh sách phân công giáo viên tham gia trải nghiệm, hướng nghiệp (hằng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Phó hiệu trưởng
	3	[H5-5.4-03]	Hình ảnh hoạt động hướng nghiệp của các trường Cao đẳng, Đại học tại trường (hằng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Phó hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 5.5	4	[H5-5.4-04]	Hình ảnh hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Đoàn trường
	5	[H5-5.4-05]	Báo cáo kết quả trải nghiệm, hướng nghiệp (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Đoàn trường
	1	[H5-5.5-01]	Kế hoạch kỹ năng sống (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Phó hiệu trưởng
	2	[H5-5.5-02]	Danh sách phân công giáo viên tham gia kỹ năng sống (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Phó hiệu trưởng
	3	[H5-5.5-03]	Hình ảnh hoạt động kỹ năng sống tại	Từ năm học 2016-2017	Trường trung học	Phòng Phó hiệu

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
			trường (hàng năm)	đến năm học 2020-2021	phổ thông Trần Quang Khải	trường
	4	[H5-5.5-04]	Báo cáo kết quả kỹ năng sống (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Đoàn trường
Tiêu chí 5.6	1	[H5-5.6-01]	Danh sách học sinh đậu đại học. (hàng năm)	Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải	Phòng Học vụ